



VƯỢT QUA THÁCH THỨC
VƯƠN TỚI MỤC TIÊU



MỤC LỤC

- 6 - Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị văn hóa
- 8 - Thông điệp của chủ tịch hội đồng quản trị
- 10 - Chỉ số tài chính chủ yếu

Chương

01 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN NAFOODS GROUP

- 14 - Tổng quan Nafoods Group
- 16 - Vị thế và giải thưởng
- 18 - Lịch sử hình thành và phát triển
- 20 - Danh mục sản phẩm
- 26 - Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 28 - Cơ sở sản xuất
- 32 - Mục tiêu và định hướng phát triển

Chương

02 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 38 - Mô hình quản trị
- 40 - Công ty con, công ty liên kết
- 42 - Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 48 - Giới thiệu Ban Điều hành
- 54 - Tổ chức và nhân sự
- 60 - Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông

Chương

03 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2022 VÀ KẾ HOẠCH 2023

- 64 - Tổng quan nền kinh tế và ngành nông nghiệp VN
- 65 - Điểm nhấn năm 2022
- 66 - Báo cáo của Ban điều hành
- 70 - Báo cáo của HĐQT
- 73 - Giải thưởng nổi bật năm 2022
- 74 - Kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển 2023

Chương

04 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 78 - Hội đồng quản trị
- 82 - Ủy ban kiểm toán
- 88 - Kiểm toán nội bộ/Quản trị rủi ro
- 94 - Giao dịch/thù lao và các khoản lợi ích
- 96 - Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị công ty
- 101 - Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

Chương

05 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESG)

- 104 - Tầm nhìn bền vững
- 106 - Báo cáo tác động môi trường
- 108 - Chính sách liên quan đến người lao động
- 109 - Trách nhiệm với cộng đồng

Chương

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 112 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 114 - Báo cáo kiểm toán độc lập
- 116 - Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 119 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 120 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 122 - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

DANH MỤC VIẾT TẮT

BKS	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CFO	Giám đốc tài chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CRM (Customer Relationship Management)	Quản lý quan hệ khách hàng
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ERP (Enterprise Resource Planning)	Hệ thống hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp
GD	Giai đoạn
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐQT	Hội đồng quản trị
HR (Human Resources)	Hành chính nhân sự
HTX	Hợp tác xã
IFC (International Finance Corporation)	Tổ chức tài chính quốc tế
IQF (Individual Quick Frozen)	Cấp đông nhanh từng cá thể
IR (Investor Relations)	Quan hệ nhà đầu tư
MTV	Một thành viên
NCC	Nhà cung cấp
NFG	Nafoods Group
P.TGD	Phó tổng giám đốc
R&D (Research & Development)	Nghiên cứu & phát triển
TGD, CEO	Tổng Giám đốc
TMĐT	Thương mại điện tử
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VTNN	Vật tư nông nghiệp
WBG (World Bank Group)	Nhóm Ngân hàng thế giới



TẦM NHÌN

“ Là tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững. ”

SỨ MỆNH

“ Cung cấp cho thế giới các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn và đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là cho người nông dân. ”



GIÁ TRỊ VĂN HÓA



CHÍNH TRỰC

Chúng tôi tuân thủ kỷ luật, nội quy, các quy trình và chính sách của tập đoàn; Cam kết hoàn thành công việc một cách tốt nhất, đảm bảo sự nhất quán, hiệu quả, công bằng trong công ty.



CAM KẾT

Chúng tôi cam kết nỗ lực hết mình để đạt được thành công, cam kết luôn gắn bó với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược của Nafoods Group; Nâng cao năng lực đội ngũ và dịch vụ chăm sóc khách hàng; Đem lại chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất và cuộc sống tốt đẹp cho công ty, cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và bà con nông dân.



Kiến thức

Chúng tôi đề cao tinh thần dám nghĩ dám làm, khuyến khích và ghi nhận tinh thần học hỏi, chia sẻ, đúc kết kinh nghiệm, tư duy đổi mới và sáng tạo để hướng tới khát vọng nâng tầm tổ chức.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chúng tôi tập hợp và phát triển đội ngũ nhân sự có đủ tâm - trí - tài, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thực hành các chính sách phúc lợi, cơ chế đãi ngộ và đảm bảo cơ hội phát triển công bằng, góp phần phát triển công ty theo hướng phát triển chuỗi nông nghiệp xanh, tuần hoàn, bền vững; đem lại lợi ích hài hòa, cuộc sống tốt đẹp cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và bà con nông dân.



CHẤT LƯỢNG

Chúng tôi cung cấp sản phẩm và chịu trách nhiệm với sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn chất lượng cam kết; Chủ động nghiên cứu và cải tiến sản phẩm, phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường và khách hàng (nội bộ và bên ngoài).



HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ

Chúng tôi làm việc với 100% năng lực của mình, luôn hướng đến kết quả, không bỏ cuộc cho đến khi đạt được kết quả tốt nhất cho Khối/phòng ban và Công ty. Áp dụng tư duy khác biệt và làm chủ, tiếp cận vấn đề với tinh thần và thái độ sẵn sàng chinh phục mục tiêu thách thức; sẵn sàng thích ứng và thay đổi.



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý vị!

Nền kinh tế của Việt Nam đã được phục hồi mạnh mẽ ở hầu hết mọi lĩnh vực, 2023 mở ra thật nhiều cơ hội nhưng cũng là một chặng đường mới với những thách thức vô cùng lớn. Với tinh thần **“Vượt qua thách thức, vươn tới mục tiêu”** Nafoods Group chính thức đặt ra kỳ vọng mới với Mục tiêu doanh thu năm 2023 đạt **2,125 tỷ đồng** và lợi nhuận **tăng 33.1%** so với thực hiện năm 2022.

Năm 2022 – Khi chúng ta bước ra khỏi ranh giới của đại dịch COVID -19 hoành hành, những tưởng thế giới trở lại trật tự cũ, thì ngọn lửa của “cuộc chiến” khác lại âm thầm nhen nhóm và rực cháy. Đó là xung đột giữa Nga – Ukraine, giữa nền kinh tế toàn cầu và lạm phát, giữa doanh nghiệp và sự đứt gãy của chuỗi cung ứng.

Là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong việc phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp từ khâu giống, trồng, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nước ép trái cây, rau củ quả đông lạnh, trái cây sấy, các loại

hạt và hoa quả tươi với gần 30 năm kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất. Trước những biến động liên tiếp này Nafoods Group buộc phải có những chuyển mình để **“Thích ứng – Chuyên nghiệp – Hiệu quả”**. Kết quả của sự thay đổi đó đã giúp tập đoàn không chỉ ổn định sản xuất sau biến động, mà còn đạt được **3% tăng trưởng doanh thu** so với năm 2021, **Lợi nhuận ròng tăng 74%** so với năm 2021.

Đánh giá tổng quan toàn Tập đoàn, năm 2022 chúng ta đã hoàn thành tái cơ cấu theo mô hình chuyên nghiệp, áp dụng quản trị và hệ thống nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển **2022 – 2026**. Bên cạnh đó, chúng ta cũng đã bổ sung nhiều nhân sự mới tại cho các vị trí chuyên môn, tập trung nâng cao chất lượng, chú trọng vào phát triển và ươm mầm nguồn lực.

Điểm lại những dấu mốc đã qua, những gì Nafoods Group đã đạt được có một phần đóng góp của từng CBCNV – LĐ, của từng phòng/ban/bộ phận để rồi chúng ta có quyền tự hào khi đã:

- Hoàn tất đầu tư giai đoạn 1 dự án Nafoods

Tây Nguyên, xây dựng nhà máy sản xuất dịch chanh leo tại Tây Nguyên đáp ứng nhu cầu mới;

- Triển khai xây dựng vùng trồng, áp dụng các phần mềm chuyên nghiệp như CropIn, Fast Business, CRM, SRM, xây dựng bộ phận Market Intelligence;
- Được cấp bằng bảo hộ 03 loại giống chanh leo mới gồm: GL01, GL02, Nafoods 2 theo các quyết định số 499, 500, 501/QĐ – TT – VPBH ngày 30/12/2022.

Có thể nói 2022 là năm bản lề của giai đoạn **2022 – 2026**, là giai đoạn đánh **dấu mốc 30 năm hình thành và phát triển của Nafoods**. Trong giai đoạn này, môi trường kinh doanh tại Việt Nam cũng như toàn cầu đã có những biến động lớn, cả về kinh tế, chính trị, xã hội; tuy nhiên Nafoods Group luôn ổn định tầm nhìn và vững vàng sứ mệnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trách nhiệm xã hội, thực hiện đúng cam kết với đối tác, khách hàng; Cổ đông, Người lao động và Bà con nông dân – **Đây chính là yếu tố giúp Nafoods Group phát triển bền vững**, chinh phục được những nấc thang mới trong sản xuất, kinh doanh.

Năm 2023 với tâm thế chủ động đón đầu, xuyên qua thách thức, vững bước vươn tới mục tiêu, Nafoods Group sẽ tiếp tục nỗ lực để hoà cùng dòng chảy phát triển của toàn cầu nói chung và nâng tầm giá trị nông nghiệp Việt nói riêng.

Thách thức vẫn còn, nhưng cơ hội không ít. Chúng tôi đặt ra mục tiêu tăng trưởng **doanh thu 2,125 tỷ đồng** và **lợi nhuận tăng 33.1%** trong năm 2023. Để hoàn thiện mục tiêu này, ngoài những nội lực và sự cố gắng của toàn tập đoàn, Nafoods Group mong mỗi mối quan hệ hợp tác cùng phát triển bền chặt của Quý vị Cổ đông, các đối tác, khách hàng.

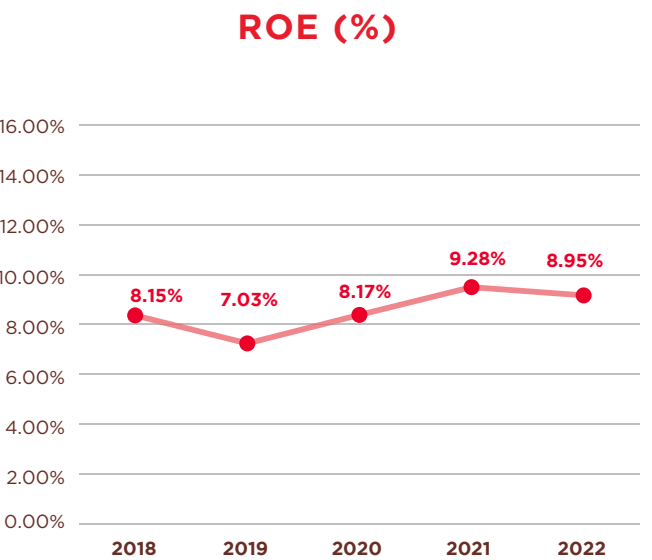
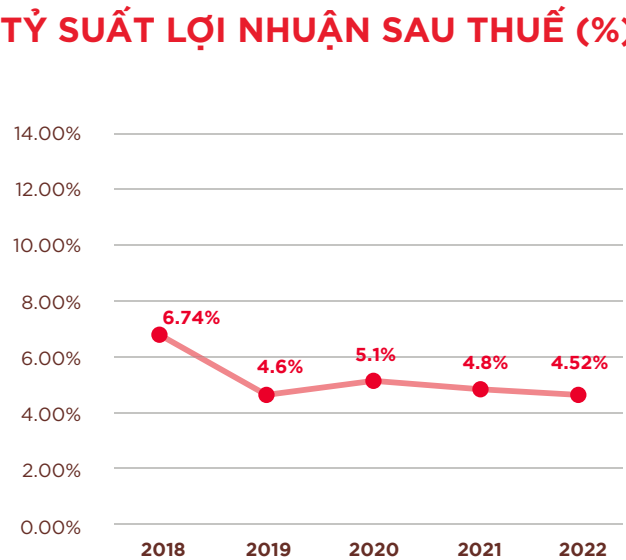
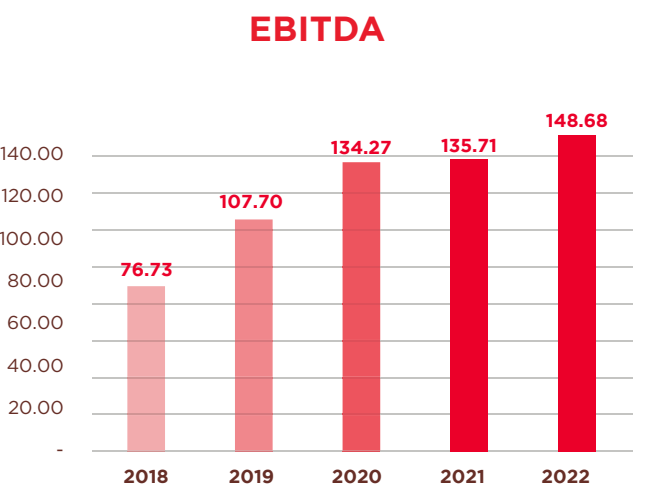
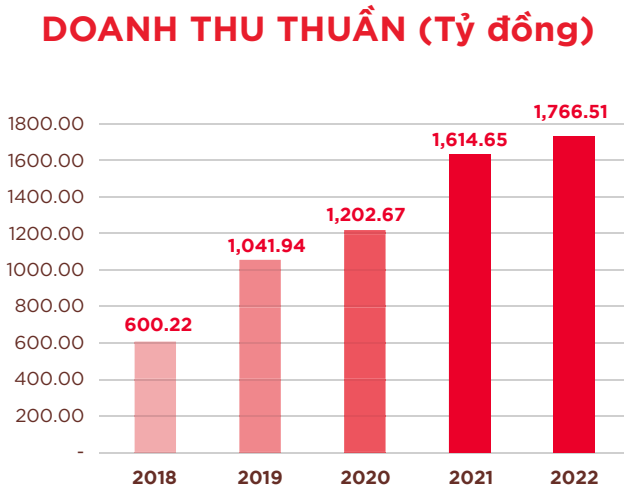
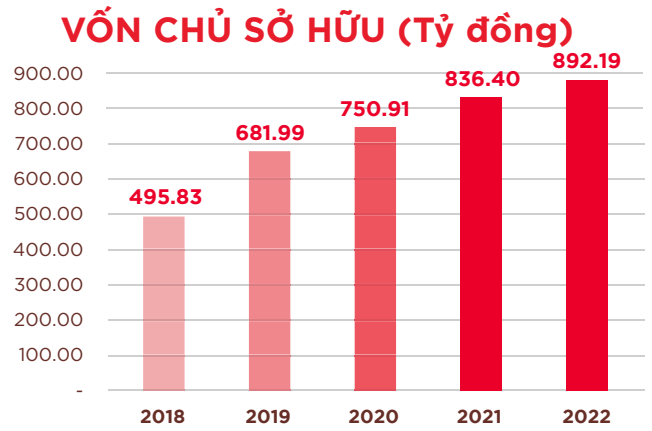
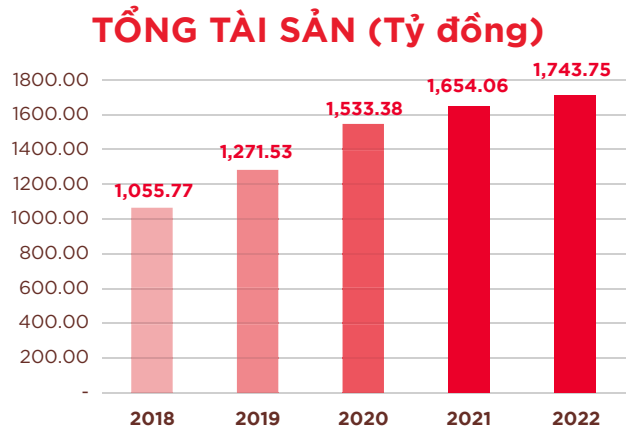
Nafoods Group vô cùng cảm kích và trân quý sự đồng hành, hỗ trợ, chia sẻ của Quý vị, Quý tổ chức trong suốt chặng đường hình thành phát triển của chúng tôi. Một lần nữa, xin chúc tất cả Quý cổ đông, đối tác, khách hàng, bà con nông dân và toàn thể nhân viên tập đoàn thật nhiều sức khỏe, bình an, hạnh phúc và thành công.

CHỦ TỊCH HĐQT
Điễn Thị Lan Phương

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU (Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021	2022
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng Tài sản	1,055.77	1,271.53	1,533.38	1,654.06	1,743.75
- Tài sản ngắn hạn	595.15	819.55	972.42	1,029.32	1,166.76
- Tài sản dài hạn	460.62	451.98	560.96	624.74	576.98
Nợ phải trả	559.94	589.54	782.47	817.66	851.56
- Nợ ngắn hạn	351.29	464.56	594.81	700.84	772.28
- Nợ dài hạn	208.65	124.98	187.67	116.82	79.28
Vốn chủ sở hữu	495.83	681.99	750.91	836.4	892.19
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần	600.22	1,041.94	1,202.67	1,614.65	1,766.51
Lợi nhuận gộp	139.82	233.05	254.88	291.46	375.85
Chi phí Bán hàng & QLDN	79.54	147.87	143.55	182.6	256.38
EBIT	60.28	85.18	111.33	108.87	119.47
Chi phí tài chính	20.76	41.2	53.64	42.2	49.00
Lợi nhuận trước thuế	45.3	52.42	65.09	90.42	92.93
Lợi nhuận sau thuế	40.43	47.92	61.31	77.61	79.84
EBITDA	76.73	107.7	134.27	135.71	148.68
CƠ CẤU VỐN					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.53	0.46	0.51	0.49	0.49
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.13	0.86	1.04	0.98	0.95
KHẢ NĂNG THANH TOÁN					
Tỷ số thanh toán ngắn hạn	1.69	1.76	1.63	1.47	1.51
Tỷ số thanh toán nhanh	1.46	1.45	1.34	1.28	1.31
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Vòng quay khoản phải thu	2.4	3.11	2.63	3.22	3.98
Vòng quay hàng tồn kho	6.76	7.02	5.87	8.58	9.57
Vòng quay Tổng tài sản	0.62	0.9	0.86	1.01	1.04
TỶ SUẤT SINH LỜI					
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23.30%	22.37%	21.19%	18.05%	21.28%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	6.74%	4.60%	5.10%	4.81%	4.52%
Tỷ suất EBITDA	12.78%	10.34%	11.16%	8.40%	8.42%
ROE	8.15%	7.03%	8.17%	9.28%	8.95%
ROA	3.83%	3.77%	4.00%	4.69%	4.58%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán



GIỚI THIỆU TỔNG QUAN NAFOODS GROUP

01

Tổng quan Nafoods Group

Vị thế và giải thưởng

Lịch sử hình thành và phát triển

Danh mục sản phẩm

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ sở sản xuất

Mục tiêu và định hướng phát triển

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022





TỔNG QUAN NAFOODS GROUP

Tên giao dịch	— CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP
Tên tiếng Anh	— NAFOODS GROUP JOINT STOCK COMPANY
Mã chứng khoán	— NAF
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	— 2900326375
Vốn điều lệ	— 629,230,850,000 VNĐ
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	— 62,923,085 cổ phiếu

Địa chỉ	— Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Số điện thoại	— 02383 532 632
Số fax	— 02383 853 902
Ngày thành lập	— 26/08/1995
Website	— www.nafoods.com

VỊ THẾ

#1

Xuất Khẩu
Các Sản Phẩm Chanh Leo
Lớn Nhất Châu Á

06

Chuỗi hệ thống nhà máy
đạt chuẩn các chứng chỉ
quốc tế



Tiên phong trong việc
số hóa chuỗi giá trị
nông nghiệp

30 Nghìn ha

Vùng nguyên liệu
được truy xuất
và quản lý



70

Thị Trường Xuất Khẩu
Và Phân Khúc Thị
Trường Linh Hoạt

02

Viện cây giống
công nghệ cao

GIẢI THƯỞNG

THƯƠNG HIỆU VÀNG

Nông Nghiệp
Việt Nam
2022



TOP 03

Doanh Nghiệp
Có Hoạt Động IR
Yêu Thích Nhất
Năm 2020



DOANH NGHIỆP

Phát Triển
Bền Vững
2018



TOP 50

Doanh Nghiệp
Tăng Trưởng
Xuất Sắc Nhất
Việt Nam 2022



TOP 05

Doanh Nghiệp
Có Báo Cáo
Quản Trị Công Ty
Tốt Nhất 2019



DOANH NGHIỆP

Vì Nhà Nông
2018



TOP 100

Sao Vàng
Đất Việt
2021



TOP 200

Sao Vàng
Đất Việt
2018



02 CHỨNG NHẬN

Giống Chanh Leo
Mới Của Nafoods:
Nafoods 1 và
Quế Phong 1





1995

26/8/1995, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Vinh – tiền thân của Công ty cổ phần Nafoods Group được thành lập, với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất và phân phối nước giải khát.

2000

Nghiên cứu Dự án Xây dựng Nhà máy chuyên sản xuất chế biến và xuất khẩu các sản phẩm rau quả.

2003

Nhà máy chính thức đi vào hoạt động sau một năm xây dựng tại xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hệ thống dây chuyền máy móc đạt chuẩn Châu Âu với dây chuyền sản xuất nước ép trái cây là chủ lực.

2009

Năm Nafoods mạnh mẽ thay đổi, tìm kiếm các cơ hội để thay đổi tình thế, vượt qua giai đoạn khó khăn. Đây cũng là năm công ty nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm mới: Chanh leo.

2010

Năm đánh dấu bước nhảy vọt về doanh thu xuất khẩu của công ty, từng bước vượt ra khỏi khó khăn với sản phẩm chủ đạo: Chanh leo.

2017

Công suất viện giống ổn định, đạt 6 triệu cây giống/năm. Xuất khẩu thành công những lô hàng chanh leo quả tươi đầu tiên sang Châu Âu; đánh dấu bước ngoặt cho sản phẩm quả tươi. Năm thứ 2, Nafoods được ghi nhận danh hiệu TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững.

2016

Hoàn thành dự án Viện giống Nafoods, khởi công xây dựng Tổ hợp sản xuất & chế biến rau quả xuất khẩu tại Long An. Đạt danh hiệu TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam.

2015

Niên yết thành công và chính thức giao dịch cổ phiếu NAF trên sàn Hose. Năm ra quân mở rộng thị trường xuất khẩu và đánh dấu quay trở lại với thị trường nội địa với sản phẩm tiêu dùng Juice smile mang thương hiệu Nafoods.

2014

Viện giống chanh leo công nghệ cao của công ty chính thức đi vào hoạt động, chủ động cung ứng giống cho vùng nguyên liệu công ty sở hữu và các vùng liên kết, trổn vẹn chuỗi giá trị khép kín mà Công ty theo đuổi.

2013

Nafoods đầu tư thêm dây chuyền IQF, đa dạng sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đây cũng là năm song song giải quyết bài toán khủng hoảng chung toàn cầu bằng chiến lược rõ ràng.

2018

Khánh thành giai đoạn 1: Tổ hợp sản xuất & chế biến hoa quả xuất khẩu với tổng mức đầu tư gần 400 tỷ đồng gồm 02 hệ thống thiết bị, máy móc công nghệ Châu Âu: Dây chuyền nước ép và IQF.

2019

Kêu gọi thành công 8 triệu USD vào cổ phiếu ưu đãi từ IFC – thành viên ngân hàng thế giới và gần 500.000 USD vốn đầu tư vào cổ phiếu phổ thông của Endurance Capital Viet Nam Limited.

2020

Nhận 5 triệu USD từ Quỹ Finnfun (Phần Lan) để đầu tư vào hệ thống dây chuyền sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng tại nhà máy đặt tại Long An.

2021

Hoàn tất chuyển đổi số giai đoạn 1 toàn tập đoàn, Top 100 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.

2022

Triển khai xây dựng vùng trồng, áp dụng các phần mềm chuyên nghiệp như Cropln, Fast Business, CRM, SRM, xây dựng bộ phận Market Intelligence.



NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC - JUICE CONCENTRATE



NƯỚC ÉP TRÁI CÂY - NFC/ PUREE



TRÁI CÂY ĐÔNG LẠNH - IQF



FRUITS
Q
F



TRÁI CÂY SẤY - DRIED FRUIT

WHOLESALE



RETAIL





CHANH LEO TƯƠI - FRESH PASSION FRUIT



Dai Nong 1



Nafoods 1



Que Phong 1

**CÂY GIỐNG CHANH LEO THƯƠNG HIỆU NAFODS
PASSION FRUIT SEEDLING BY NAFODS**



FRESH PASSION FRUIT





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Nafoods Group hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép trái cây, sản phẩm rau củ quả đông lạnh, trái cây tươi, trái cây sấy, hạt dinh dưỡng, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

PHÁT TRIỂN VÙNG TRỒNG CHUYÊN BIỆT

4,000 ha

Vùng nguyên liệu chuyên biệt,
áp dụng quản lý số hóa

150,000 Tấn/năm

Tổng sản lượng trái cây
được truy xuất nguồn gốc

Khai thác lợi thế cạnh tranh trong việc trồng các loại trái cây nhiệt đới đặc thù như **chanh dây, thanh long, xoài, dứa, dưa...** Nafoods Group hiện đã và đang phát triển hơn **30,000 ha** vùng nguyên liệu trái dài khắp lãnh thổ Việt Nam và một số khu vực tại Lào & Campuchia, với tổng công suất hơn **200,000 tấn** trái cây/năm.

“Áp dụng công nghệ vào quản lý vùng trồng với quy mô lên đến **4,000 ha** với tổng sản lượng hơn **150,000 tấn** trái cây/năm, làm việc với hơn 50 HTX và 1,700 Nông hộ”





CƠ SỞ SẢN XUẤT

TỈNH SƠN LA

**Nhà máy Tây Bắc**

Sơ chế đóng gói và bảo quản trái cây xuất khẩu; hệ thống phân loại, đông lạnh và bảo quản

- Diện tích: 02 ha (mở rộng lên 10 ha tổ hợp nông nghiệp vào năm 2026)
- Địa điểm: Mộc Châu
- Tiêu thụ: **50,000** tấn nguyên liệu/năm

TỈNH NGHỆ AN

**Nhà máy Nghệ An**

Bao gồm 01 dây chuyền sản xuất nước trái cây cô đặc, 01 dây chuyền sản xuất IQF (đông lạnh nhanh) & 01 dây chuyền sấy

- Diện tích: 05 ha
- Địa điểm: Quỳnh Lưu
- Công suất: **5,000** tấn nước ép cô đặc/năm; **3,000** tấn sản phẩm IQF/năm & **300** tấn sấy/ năm

TỈNH LONG AN

**Nhà máy Nasoco**

Bao gồm 01 dây chuyền sản xuất nước trái cây cô đặc, 01 dây chuyền sản xuất IQF, 01 dây chuyền sấy & 01 dây chuyền cốt dừa.

- Diện tích: 6.5 ha
- Địa điểm: Đức Hòa
- Công suất: **7,000** tấn nước ép cô đặc/năm; **5,000** tấn sản phẩm IQF/năm & **300** tấn sấy/ năm
- Tiêu thụ: **100,000** tấn nguyên liệu/năm

TỈNH NGHỆ AN

**Viện Giống Quế Phong**

Liên kết với các chuyên gia của Đại học Quốc gia Chung Hsing - Đài Loan

- Diện tích: 06 ha nhà kính
- Địa điểm: Quế Phong
- Công suất: **6** triệu cây giống/năm

TỈNH GIA LAI

**Tổ hợp Nông nghiệp Công nghệ cao Tây Nguyên**

Bao gồm

- Trung tâm nghiên cứu nhân giống cây trồng công nghệ cao, nhà máy sản xuất để phân loại, tách, đóng gói và bảo quản trái cây xuất khẩu, khu Nông Nghiệp công nghệ cao

- Diện tích: 10 ha
- Địa điểm: An Phú
- Công suất: **4** triệu cây giống/năm; **50,000** tấn dịch nguyên liệu chanh leo/ năm

TỈNH BÌNH THUẬN

**Nhà máy Đông Nam Việt**

Bao gồm 06 dây chuyền sấy, nhà máy đóng gói và hệ thống 06 kho lạnh và cấp đông

- Diện tích: 02 ha
- Địa điểm: Phan Thiết
- Tiêu thụ: **60,000** tấn nguyên liệu/năm
- Công suất: **1,800** tấn/ năm



THỊ TRƯỜNG

Sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ các **thị trường xuất khẩu**. Các sản phẩm nước ép trái cây, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây tươi và giá trị gia tăng (sấy, hạt) của Nafoods Group đã chinh phục được hơn **70** thị trường các quốc gia trên thế giới, trong đó có các thị trường khó tính như **Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông, Úc**.

Tại **thị trường nội địa**, ngoài việc đang là nhà **cung cấp cây giống chanh leo số 1** trong nước, Nafoods Group hiện đang triển khai thử nghiệm kinh doanh một số sản phẩm rau củ quả, hạt thông qua **hệ thống Nafoods Store**.



MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với tầm nhìn trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu, tiên phong trong việc phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững, Nafoods Group đã đặt ra sứ mệnh cung cấp các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn và thân thiện với môi trường, nhằm mang lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là bà con nông dân, và tạo ra giá trị gia tăng cho cổ đông và người lao động. Nafoods Group đã đề ra một chiến lược phát triển cụ thể cho giai đoạn 2022 - 2026.

Chiến lược này tập trung vào việc tăng cường nghiên cứu và phát triển sản phẩm, mở rộng quy mô hoạt động và phát triển các ngành hàng, thị trường mới. Tập đoàn cũng đặt ra mục tiêu tối đa hóa giá trị gia tăng bằng cách tăng cường quản lý chi phí và tăng cường khả năng cạnh tranh trong ngành.

“ Mục tiêu đến năm 2026, Nafoods duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm kép 46%, tỷ suất lợi nhuận ròng hơn 9%, tỷ suất EBITDA hơn 20%, là nhà xuất khẩu các sản phẩm trái cây hàng đầu Việt Nam. ”



ƯU TIÊN CHIẾN LƯỢC ĐẾN 2026



VÙNG TRỒNG

- Mở rộng diện tích vùng trồng lên 11,000 ha, tập trung vào 7 loại cây chiến lược của Nafoods Group: Chanh leo, Xoài, Thanh long, Sầu riêng, Quất, Dứa, Đu đủ
- Sản lượng quả từ vùng trồng đạt 400 nghìn tấn, đáp ứng hơn 80% nhu cầu quả tươi cho Nafoods Group



SẢN XUẤT

- Phát triển hệ thống nhà máy sản xuất với công nghệ tiên tiến sản xuất ra 100 nghìn tấn thành phẩm mỗi năm
- Tối ưu hoá quy trình sản xuất tại từng công đoạn, chuẩn hoá và nâng cao công suất nhà máy
- Đẩy mạnh đầu tư dây chuyền sản xuất, đi cùng với việc thực hiện M&A các công ty tiềm năng



KINH DOANH

- Mở rộng và phát triển 3 mảng kinh doanh chính: xuất khẩu, tiêu dùng nội địa, và cây giống
- Mở rộng danh mục khách hàng chiến lược, kênh bán hàng, hệ thống đại lý
- Nâng cao mức độ nhận diện về sản phẩm và thương hiệu Nafoods



NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, triển khai thực hành các tiêu chuẩn quốc tế về phát triển bền vững
- Phát triển sản phẩm và trải nghiệm ưu việt cho người tiêu dùng



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Trở thành đích đến của nhân tài, xây dựng văn hoá doanh nghiệp hướng đến đổi mới và sáng tạo
- Áp dụng mô hình quản trị thực tiễn tốt nhất nhằm phù hợp với việc mở rộng quy mô Tập Đoàn
- Khởi tạo cơ hội kinh doanh mới thông qua các hoạt động mua bán, sát nhập, liên doanh và đầu tư mạo hiểm



TÀI CHÍNH

- Doanh thu: Tăng trưởng kép (CAGR): 53%
- Tỷ suất lợi nhuận gộp: 29%
- Tỷ suất lợi nhuận ròng: 9%
- Tỷ suất EBITDA: 20%
- ROE: 25%



CHIẾN LƯỢC 2022 - 2026: CHUYỂN ĐỔI VÀ TĂNG TRƯỞNG



1

2022 : Củng cố nguồn lực và bổ sung năng lực

- Xây dựng chiến lược và thử nghiệm các chiến lược kinh doanh mới
- Hoàn thiện chuỗi cung ứng
- Tập trung ổn định 3 trụ cột chính: Thị trường – Nguồn cung – Dòng tiền
- Hoàn thiện, cập nhật và hoàn chỉnh các quy trình, thủ tục nội bộ
- Nâng cao vai trò quản trị của ban điều hành
- Bổ sung nguồn nhân sự chất lượng cho Công ty

2

2023 - 2024 : Tập trung tăng trưởng

- Phát triển Công ty theo cả chiều rộng và chiều sâu
- Tập trung vào: Phát triển sản phẩm và thị trường;
- Yếu tố tăng trưởng:
 - + Hàng tiêu dùng nhanh | Kế hoạch phát triển bán lẻ
 - + Sản phẩm mới
 - + Kinh doanh xuất khẩu truyền thống: Mở rộng kênh phân phối: B2B, B2D

3

2025 - 2026 : Tiếp tục cải tiến hiệu quả

- Tối ưu hóa nguồn lực và đòn bẩy lợi ích chuỗi giá trị
- Tập trung vào: Lợi nhuận và Hiệu quả
- Thực hiện chiến lược M&A



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

02

Mô hình quản trị

Công ty con, công ty liên kết

Giới thiệu Hội đồng quản trị

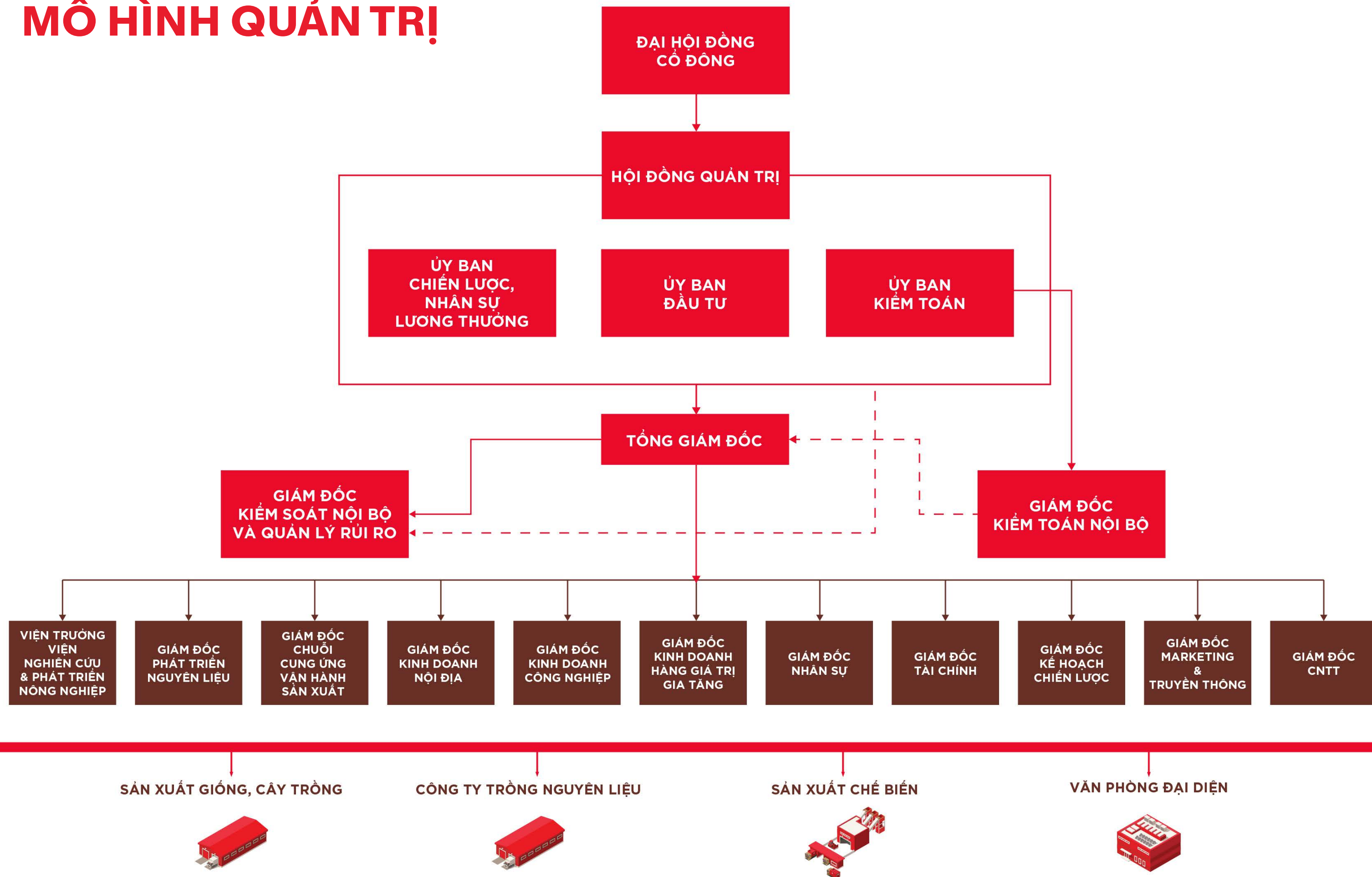
Giới thiệu Ban Điều Hành

Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của NAF
1	CTCP Chanh leo Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	60 tỷ đồng	99.80%
2	CTCP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Long An	Kinh doanh thực phẩm	170 tỷ đồng	99.80%
3	CTCP Nafoods Tây Nguyên	Thôn Gò Đồi, đường Bùi Viện, Xã An Phú, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Hoạt động dịch vụ trồng trọt, sản xuất cây giống, sản xuất và chế biến rau củ quả	85.86 tỷ đồng	99.86%
4	CTCP Đầu tư – Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16, Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Chế biến và bảo quản rau quả	5 tỷ đồng	99.00%
5	Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Nafoods	Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Kinh doanh thực phẩm	60 tỷ đồng	100.00%

CÔNG TY LIÊN KẾT & ĐẦU TƯ KHÁC

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của NAF
1	CTCP Nafoods Tây Bắc	Cụm Công nghiệp Mộc Châu,Tiểu khu Bó Bun, Thị Trấn Nt Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	Trồng chanh leo và kinh doanh thương mại Chanh leo quả	50 tỷ đồng	35%
2	CTCP Thực phẩm Nghệ An	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Chế biến và bảo quản rau quả	62 tỷ đồng	5%



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà ĐIỀN THỊ LAN PHƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1966

• **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân tài chính

• **Kinh nghiệm:**

- Bà có hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán ở vị trí quản lý cao cấp cho các loại hình doanh nghiệp, chủ yếu là các công ty đa quốc gia có mặt tại thị trường Việt Nam, như: KFC Việt Nam, Universal Dầu khí Việt Nam (UP), Puratos Việt Nam, PPG PMC Việt Nam, METRO Cash & Carry Vietnam. Tại những tổ chức này, Bà đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn về quản trị tài chính, quản trị rủi ro,

kinh nghiệm xây dựng và quản trị hệ thống quản trị nội bộ hiệu quả, tiên tiến và đã đem áp dụng, triển khai thành công ở những tập đoàn lớn tại Việt Nam trong những năm gần đây, như: Công ty Bán lẻ VINMART, Tập đoàn Lộc Trời, Tập đoàn Tân Hiệp Phát.

- Với cương vị là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Bà tâm đắc với tầm nhìn và sứ mệnh của Nafoods Group và sẵn sàng cho những đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của tập đoàn.

• **Quá trình công tác:**

2/1998 – 4/2002: Kế toán trưởng KFC Việt Nam

4/2002 – 11/2002: Kế toán trưởng Universal Dầu khí Việt Nam (UP)

11/2002 – 12/2004: Giám đốc tài chính Puratos Việt Nam

12/2004 – 3/2008: Tổng Giám đốc Puratos Việt Nam

5/2008 – 6/2010: Giám đốc tài chính PPG PMC Việt Nam

10/2010 – 11/2014: Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Kế toán và Kiểm soát METRO Cash & Carry Vietnam

11/2014 – 1/2016: Giám đốc tài chính Vinmart

6/2016 – 10/2016: Giám đốc tài chính CTCP vàng bạc đá quý Bến Thành (BTJ)

10/2016 – 5/2017: Giám đốc tài chính Tập đoàn Tân Hiệp Phát

7/2018 – 9/2019: Giám đốc tài chính Tập đoàn Lộc Trời

09/2020 – 08/2021: Giám đốc tài chính Tập đoàn Tân Hiệp Phát

09/2021 – 12/2022: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Nafoods Group

10/2022 – 12/2022: Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group



Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 1968

• **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế

• **Kinh nghiệm:**

- Ông là người sáng lập và dẫn dắt Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay. 26 năm qua, Ông đã định hướng, lãnh đạo và xác định kim chỉ nam hành động cho toàn hệ thống hoạt động theo chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, đưa thương hiệu Nafoods khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

- Ông cũng là gương mặt tiêu biểu đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các hoạt động của Hội doanh nghiệp trẻ Nghệ An với vị trí chủ tịch trong 10 năm khi Hội mới thành lập và là Ủy viên BCH Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong nhiều khóa.

- Năm 2020, Ông được bầu làm Phó chủ tịch hiệp hội kiêm Trưởng Ban Khoa học công nghệ & đào tạo của Hiệp hội nông nghiệp số Việt Nam (VIDA).

• **Quá trình công tác:**

1996 – 1997: Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi

1998 – 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh

2009 – 2014: Chủ tịch HĐQT CTCP ChoaViet (tiền thân của CTCP Nafoods Group)

2014 – 5/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Nafoods Group

5/2020 – 4/2021: Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng giám đốc CTCP Nafoods Group

4/2021 – 9/2022: Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group

9/2022 – 2022: Phó chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group kiêm Tổng Giám đốc.

• **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Chủ tịch HĐQT CTCP Chanh leo Nafoods

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quốc Tế Nafoods

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành CTCP Nafoods Miền Nam

Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên

Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Tây Bắc

Chủ tịch HĐQT CTCP ĐT – PT – GTGT Nông nghiệp

**Ông NGUYỄN TIẾN CHINH**

**Thành viên Hội đồng quản trị
(không điều hành)**

Năm sinh: 1967

• **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí

• **Kinh nghiệm:**

- Ông là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group, từng nắm giữ nhiều vị trí quản lý và điều hành quan trọng của Công ty trong lĩnh vực sản xuất và là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong các nhiệm kỳ từ năm 2014.

- Ông là người đã có sự đóng góp rất lớn trong việc đưa hệ thống, dây chuyền sản xuất chế biến của Công ty đạt các chứng chỉ khắt khe nhất, như: AIJN, Halal, Kosher, BRC, ISO 22000:2005. Nhờ đó sản phẩm của Nafoods Group đã đáp ứng được các đòi hỏi của thị trường khó tính nhất trên thế giới.

• **Quá trình công tác:**

1985 - 1996: Quản đốc phân xưởng Nhà máy phân đạm Hà Bắc

1996 - 1997: Phó Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi

1998 - 2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh

2000 - 2002: Trưởng Ban quản lý Dự án Nhà máy chế biến nước ép rau quả cô thuộc CTCP Thực phẩm Nghệ An

2003 - 2014: Giám đốc sản xuất CTCP Thực phẩm Nghệ An

2014 - 2018: Phó Tổng Giám đốc sản xuất CTCP Nafoods Group

2014 - 12/2022: Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Nafoods Group

• **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Người đại diện theo pháp luật CTCP Thực phẩm Nghệ An

Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Miền Nam

Thành viên HĐQT CTCP ĐT - PT - GTGT Nông nghiệp

**Ông PHẠM DUY THÁI**

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1983

• **Trình độ chuyên môn:**

Kỹ sư kinh tế nông nghiệp

• **Kinh nghiệm:**

- Gia nhập vào Nafoods Group từ năm 2004, trải qua nhiều vị trí khác nhau, năm 2010 Ông được giao phó tiếp cận và phụ trách Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu với chuỗi giá trị cây Chanh leo của Nafoods Group được tổ chức Danida - Đan Mạch tài trợ và nhiều dự án nông nghiệp khác. Năm 2013, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành của Công ty cổ phần chanh leo Nafoods và giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp của Nafoods Group từ năm 2014 đến 2021.

- Tháng 4 năm 2019, Ông được tín nhiệm bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT và tiếp tục giữ chức vụ này nhiệm kỳ 2020 - 2025 sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tái bổ nhiệm.

• **Quá trình công tác:**

2006 - 2008: Kế toán Tổng hợp CTCP Thực phẩm Nghệ An

2008 - 2012: Thư ký Tài chính của Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Nghệ An

2010 - 2013: Kế toán trưởng CTCP ChoaViet

2014 - 8/2021: Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp CTCP Nafoods Group

1/2019 - 8/2021: Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị CTCP Nafoods Group

8/2021 - 12/2022: Giám đốc Quản trị & Đầu tư CTCP Nafoods Group

4/2019 - 12/2022: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Nafoods Group

• **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Giám đốc điều hành CTCP Chanh leo Nafoods

Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên

Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Miền Nam

**Ông JOHAN NYVENE**

Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)

Chủ tịch Ủy ban Đầu tư

Năm sinh: 1965

• **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân tài chính

• **Kinh nghiệm:**

- Là nhà quản lý tài chính am hiểu thị trường tài chính Việt Nam qua hơn 15 năm làm việc. Sinh ra tại Việt Nam nhưng lớn lên và học tập tại Mỹ, Ông Johan đã trải qua 9 năm đầu tiên trong sự nghiệp tài chính chuyên nghiệp của mình với các vị trí chuyên viên phân tích và chuyên viên ngân hàng quốc tế, chuyên trách các thị trường Đông Nam Á tại ngân hàng CoreStates First Union.

- Ông đã từng là người thành lập và lãnh đạo Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam và được coi là một trong những người đi tiên phong tham gia vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn đầu.

- Với những kiến thức và kinh nghiệm qua những định chế tài chính quốc tế, ông Johan đã được bổ nhiệm vào vị trí CEO của Công ty Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC), một trong những công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam trong hơn 13 năm, đến tháng 4/2021 Ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị của HSC.

• **Quá trình công tác:**

1990 - 1998: Tổng Giám đốc CoreStates First Union - Hoa kỳ

1998 - 2007: Giám đốc HSBC Việt Nam

2007 - 2020: Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Thành phố HCM (HSC)

5/2020 - 12/2022: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Nafoods Group

• **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Thành phố HCM (HSC)

Thành viên HĐQT CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

**Ông JOHAN DE GEER****Thành viên Hội đồng quản trị****Năm sinh: 1977**

- **Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Marketing & Tài chính**

- **Kinh nghiệm:**

- Tốt nghiệp Thạc sỹ về Marketing và Tài chính của Trường Kinh tế Stockholm, Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý điều hành tại các thị trường mới nổi.
- Năm 2012 Ông đến Việt Nam với vai trò là GD Điều hành của Oriflame - một trong những thương hiệu tiêu dùng nổi tiếng nhất với mạng lưới bán hàng bao gồm hàng chục nghìn nhà phân phối độc lập.
- Sau đó, Ông đã cùng các cộng sự của mình sáng lập nên Endurance Capital, một quỹ hợp tác đầu tư và là một trong những cổ đông lớn của Nafoods Group. Tháng 8 năm 2017, Ông đã được tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT của Nafoods Group.

- **Quá trình công tác:**

- 2022 - 2026: Giám đốc CJSC Chumak (Ukraine)
- 2006 - 2009: Cố vấn, The Boston Consulting Group (Stockholm)
- 2006 - 2009: Giám đốc điều hành, Oriflame Việt Nam
- 2009 - 2012: Giám đốc điều hành, SIA Oriflame Latvia
- 8/2017 - 12/2022: Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Group

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

- Chủ tịch Gaillamont AB
- Đối tác sáng lập Endurance Capital Vietnam I Limited
- Đối tác sáng lập Endurance Capital Advisors Limited
- Chủ tịch Business Rock Star Vietnam
- Chủ tịch Entremont Limited

**Bà PHAN THỊ MINH CHÂU****Thành viên Hội đồng quản trị****Năm sinh: 1972**

- **Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế**

- **Kinh nghiệm:**

- Bà Phan Thị Minh Châu là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group, đồng thời là cổ đông sáng lập của Công ty.
- Bà từng nắm giữ nhiều vị trí quản lý và điều hành quan trọng của Công ty và là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong các nhiệm kỳ từ năm 2014.
- Bà là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban lãnh đạo xây dựng các giá trị văn hóa cốt lõi, quyết tâm đưa phương pháp BSC và công cụ KPI vào áp dụng để điều hành và quản trị mục tiêu của doanh nghiệp từ năm 2014.

- **Quá trình công tác:**

- 1996 - 1997: Kế toán viên Nhà máy nước giải khát Festi
- 1998 - 2008: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thành Vinh
- 2000 - 2007: Kế toán trưởng CTCP Thực phẩm Nghệ An
- 2009 - 2014: Giám đốc điều hành CTCP ChoaViet (tiền thân của CTCP Nafoods Group)
- 2014 - 7/2018: Phó Tổng giám đốc Tài chính CTCP Nafoods Group
- 2014 - 4/2019: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group
- 5/2020 - 12/2022: Phó Chủ tịch HĐQT thường trực CTCP Nafoods Group

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Chanh leo Nafoods
- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên
- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nafoods Tây Bắc



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG

Giám đốc Khối Quản lý và phát triển vùng trồng
Năm sinh: 1964

- **Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế**
- **Kinh nghiệm và quá trình công tác:**
 - 1988 - 1991:** Chuyên viên Nghiên cứu kinh tế, Tổ trưởng Tổ Kinh Tế Đối Ngoại - Viện Nghiên cứu Kinh tế TP. HCM.
 - 1991 - 1998:** Phó phòng Kinh doanh XNK - Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại TP. HCM.
 - 1998 - 2001:** Trưởng phòng kinh doanh xuất nhập khẩu - Công ty Vật liệu và Công nghệ thuộc Trung Tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc Gia.
 - 2001 - 2008:** Công ty Cung ứng Nhân Lực Quốc tế và Thương Mại, Bộ Lao Động, Thương Binh và Xã Hội - Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh tại TP. HCM
 - 2008 - 2011:** Giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng, Phó trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng - Đại học Kinh tế - Luật Thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
 - 2011 - 2019:** Trợ lý Tổng giám đốc, P. Giám đốc ngành Nông dược, Giám đốc Kinh Doanh Lương thực - Công ty Cổ phần Tập Đoàn Lộc Trời
 - 2019 - 2021:** Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Rau Quả & Nông Sản Việt Nam
 - 4/2022 - 12/2022:** Giám đốc quản lý vùng trồng và Sourcing - Công ty CP Nafoods Group



Ông NGÔ SỸ MẠNH

Giám đốc Khối Vận hành sản xuất và Công nghệ
Năm sinh: 1980

- **Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện công nghiệp**
- **Kinh nghiệm:**
 - Tốt nghiệp chuyên ngành Điện công nghiệp, trải qua nhiều năm làm Quản đốc sản xuất và 2 năm làm Phó giám đốc/Giám đốc điều hành Nhà máy, Ông đã có những đóng góp ý nghĩa trong hoạt động vận hành sản xuất và công nghệ của Công ty.
 - Tháng 8/2021, Ông được HĐQT tin tưởng bổ nhiệm là Giám đốc phụ trách khối Vận hành Sản xuất và Công nghệ.
- **Quá trình công tác:**
 - 4/2003 - 11/2003:** Công nhân kỹ thuật vận hành nhà máy Thực phẩm Nghệ An
 - 2003 - 2007:** Tổ trưởng tổ trích ly nhà máy Thực phẩm Nghệ An
 - 2017 - 2018:** Tổ trưởng tổ công nghệ xây dựng nhà máy Nafoods Miền Nam
 - 2019 - 2020:** Phó Giám đốc nhà máy Thực phẩm Nghệ An
 - 5/2019 - 12/2019:** Quyền Giám đốc CTCP Nafoods Miền Nam
 - 2020 - 12/2022:** Giám đốc nhà máy Thực phẩm Nghệ An
 - 8/2021 - 6/2022:** Giám đốc khối Vận hành Sản xuất và Công nghệ CTCP Nafoods Group
 - 7/2022 - 12/2022:** Giám đốc các nhà máy - Công ty CP Nafoods Group kiêm Giám đốc nhà máy Naprod và nhà máy Nasoco
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
 - Giám đốc CTCP Nafoods Miền Nam



Ông HỒ HẢI QUÂN

Giám đốc khối Hành chính Nhân sự
Năm sinh: 1980

- **Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại**
- **Kinh nghiệm:**
 - Sau 19 năm gắn bó và làm việc tại công ty, Ông có 12 năm trải qua các vị trí Phó phòng/ Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự của Nhà máy đầu tiên trong hệ thống Nafoods Group, với tinh thần cầu thị, làm việc khẩn trương và tận tụy, Ông Hồ Hải Quân được bổ nhiệm làm Giám đốc Nhân sự của Nafoods Group từ tháng 1/2017.
 - Ông là người có nhiều đóng góp trong hoạt động xây dựng hệ thống quản lý BSC/KPI, ISO, BRC..., tích cực triển khai các cách thức để tăng hiệu quả trong công tác quản trị nguồn nhân lực của toàn hệ thống Nafoods Group, giúp Nafoods Group ngày một tăng trưởng và lớn mạnh.
- **Quá trình công tác:**
 - 2002 - 2004:** Giáo viên Tin học tại Công ty Cổ phần tin học Quang Hùng
 - 2004 - 2007:** Phó phòng Hành chính Nhân sự, kiêm IT; Thư ký ISO tại CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 2007 - 2009:** Trưởng phòng HCNS, Kiêm quản lý IT, Thư ký Ban ISO tại CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 2010 - 2016:** Trưởng phòng HCNS kiêm trưởng phòng IT tại CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 1/2017 - 12/2022:** Giám đốc Nhân sự CTCP Nafoods Group



Bà HỒ THỊ LOAN

Giám đốc Khối Kinh doanh Sản phẩm Công nghiệp
Năm sinh: 1984

• **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

• **Kinh nghiệm:**

- Tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Anh – Đại học Vinh, sau thời gian làm việc tại một số doanh nghiệp, Bà chính thức gia nhập vào Nafoods Group từ tháng 1/2010.
- Sau hơn 10 năm gắn bó cùng Nafoods Group, với sức trẻ và tinh thần làm việc nhiệt tâm, trải qua các vị trí Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng và Trưởng phòng Kinh doanh truyền thống, tháng 8/2021 Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Phụ trách khối kinh doanh sản phẩm công nghiệp.

• **Quá trình công tác:**

- 2007 - 2008:** Nhân viên kinh doanh công ty Trimmers Corp
- 2008 - 2010:** Nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty VietNam TBI., JSC
- 2010 - 2015:** Nhân viên kinh doanh CTCP Nafoods Group
- 2016 - 2017:** Trưởng phòng dịch vụ khách hàng CTCP Nafoods Group
- 2017 - 8/2021:** Trưởng phòng kinh doanh truyền thống CTCP Nafoods Group
- 8/2021 - 12/2022:** Giám đốc Khối kinh doanh sản phẩm công nghiệp CTCP Nafoods Group



Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG

Giám đốc Kế hoạch và Cung ứng
Năm sinh: 1978

• **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán kiểm toán

• **Kinh nghiệm:**

- Tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán kiểm toán và Quản trị kinh doanh, sau 18 năm gia nhập vào hệ thống Nafoods Group, Bà đã có kinh nghiệm 13 năm làm Kế toán trưởng Nhà máy/ Công ty sản xuất chế biến đầu tiên của hệ thống Nafoods Group và 3 năm làm Trưởng phòng Kế hoạch điều phối của Công ty.
- Là cán bộ làm việc trách nhiệm và gắn bó Bà đã luôn không ngừng trau dồi kiến thức, cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Tháng 8/2021, Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Kế hoạch và Cung ứng.

• **Quá trình công tác:**

- 2003 - 2004:** Nhân viên kế toán CTCP Thực Phẩm Nghệ An
- 2005 - 10/2015:** Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu – CTCP Thực phẩm Nghệ An
- 11/2015 - 2018:** Kế toán trưởng CTCP Thực Phẩm Nghệ An
- 9/2018 - 8/2021:** Trưởng phòng Kế hoạch điều phối CTCP Nafoods Group
- 4/2016 - 4/2021:** Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nafoods Group
- 8/2021 - 6/2022:** Giám đốc Kế hoạch và Cung ứng CTCP Nafoods Group
- 7/2022 - 12/2022:** Giám đốc mua hàng



Ông NGUYỄN PHI BẰNG

Giám đốc Tài chính
Năm sinh: 1987

• **Trình độ chuyên môn:** CFA® charterholder, Hiệp hội CFA; Thạc sỹ tài chính, Anh Quốc.

• **Kinh nghiệm:**

- Là người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị tài chính trong lĩnh vực ngành hàng nông nghiệp. Với nền tảng kiến thức chuyên sâu về Quản trị tài chính doanh nghiệp, ông Bằng đã và đang có nhiều đóng góp cho hoạt động tái cấu trúc của tập đoàn đặc biệt xây dựng hệ thống quản trị tài chính cho tập đoàn.

• **Quá trình công tác:**

- 2013 - 2015:** Chuyên viên tài chính – Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời.
- 2015 - 2018:** Phó trưởng ban tài chính – Công ty CP tập đoàn Lộc Trời.
- 2018 - 6/2022:** Trưởng ban tài chính/ Phụ trách tài chính – Công ty CP tập đoàn Lộc Trời
- 2020 - 2022:** Chủ tịch Hội đồng quản trị – Công ty CP Địa ốc An Giang
- 7/2022 - 12/2022:** Giám đốc tài chính – Công ty CP Nafoods Group.

**Bà NGUYỄN THỊ TRANG**

Trưởng phòng kế toán ngân quỹ
Năm sinh: 1987

• **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

• **Kinh nghiệm:**

- Lựa chọn Nafoods Group làm nơi phát triển bản thân và gắn bó ngay từ sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh - trường Đại học kinh tế Quốc dân, Bà đã có 12 năm gắn bó và đồng hành cùng Công ty.
- Với tinh thần làm việc tâm huyết, đầy trách nhiệm và không ngừng học hỏi, trong mọi hoàn cảnh Bà đã luôn nỗ lực có nhiều đóng góp quan trọng xây dựng hoạt động chuyên môn Tài chính - Kế toán nói riêng và vào sự phát triển chung của Công ty.
- Tháng 8/2021, Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc khối Tài chính - Kế toán - Ngân quỹ của Nafoods Group

• **Quá trình công tác:**

- 6/2008 - 6/2009:** Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Phân phối thông minh
- 6/2009 - 1/2010:** Chuyên viên quản lý dự án Công ty CP Phần mềm Việt
- 1/2010 - 3/2013:** Kế toán tổng hợp CTCP ChoaViet (nay là CTCP Nafoods Group)
- 4/2013 - 7/2020:** Kế toán trưởng CTCP ChoaViet (nay là CTCP NafoodsGroup)
- 7/2020 - 8/2021:** Phó Giám đốc Tài chính CTCP Nafoods Group
- 8/2021 - 7/2022:** Giám đốc khối Tài chính - Kế toán - Ngân quỹ CTCP Nafoods Group
- 7/2022 - 12/2022:** Trưởng phòng Kế toán - Ngân quỹ

• **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

- Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ CTCP Chanh leo Nafoods
- Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ CTCP Nafoods Tây Bắc

**Ông CHU QUANG THẮNG**

Trưởng phòng Logistic và WH
Năm sinh: 1990

• **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

• **Kinh nghiệm:**

- Có 10 năm trong hoạt động quản lý Kho vận tại Nafoods Group.
- Là người luôn chủ động, tiên phong trong các hoạt động cải tiến. Và chuyển đổi số hoạt động kho vận.
- Thực hiện nhanh chóng quá trình chuyển đổi mô hình quản lý kho vận từ phân tán sang mô hình quản lý tập trung.

• **Quá trình công tác:**

- 2012:** Nhân viên kinh doanh Công ty Fineton
- 2013 - 2015:** Nhân viên Kho vận - Công ty CP Nafoods Group
- 2015 - 12/2022:** Trưởng phòng Kho vận

**Ông NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**

Trưởng phòng Marketing và Truyền thông
Năm sinh: 1991

• **Trình độ chuyên môn:** Thạc Sỹ Marketing

• **Kinh nghiệm:**

- Ông Nguyễn Mạnh Cường gia nhập Nafoods Group và lần lượt đảm nhiệm các vị trí Trợ lý Tổng giám đốc và Trưởng phòng Marketing - Truyền thông. Ông từng công tác tại Tập đoàn Trường Hải với các vị trí Trợ lý Giám Đốc Marketing, Trưởng nhóm Truyền thông Quảng cáo thương hiệu KIA & Mazda. Ông có kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động Marketing - Truyền thông, quản trị kinh doanh. Ông tốt nghiệp Cử nhân Marketing tại trường Wintec (New Zealand) và lấy bằng Thạc sỹ Marketing tại Đại học Ubis (Thụy Sĩ).

• **Quá trình công tác:**

- 8/2015 - 3/2016:** Trợ lý Tổng giám đốc Công ty CP Đông Y Tuệ Đức.
- 4/2016 - 6/2018:** Trợ lý Tổng Giám Đốc Công ty CP Nafoods Group
- 7/2018 - 9/2018:** Trưởng nhóm Truyền thông & Quảng cáo - Marketing KIA & Mazda công ty cổ phần tập đoàn Trường Hải
- 9/2018 - 3/2019:** Trợ lý Marketing - Kinh doanh xe Mazda công ty cổ phần tập đoàn Trường Hải
- 4/2019 - 2/2020:** Trợ lý Marketing Công ty CP THADI
- 3/2022 - 12/2022:** Trưởng Phòng Marketing công ty cổ phần Nafoods Group

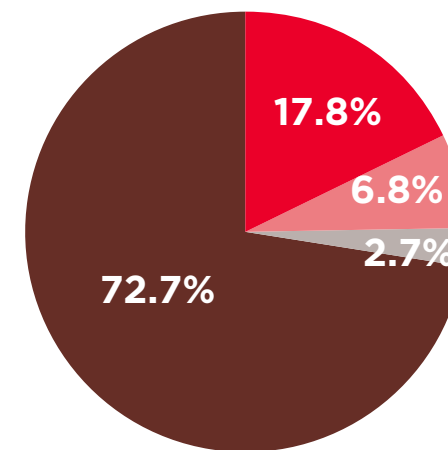


TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

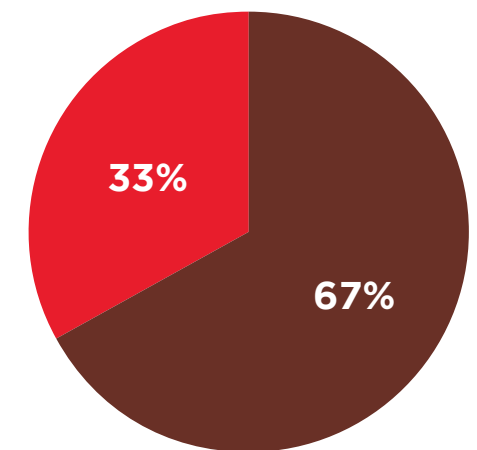
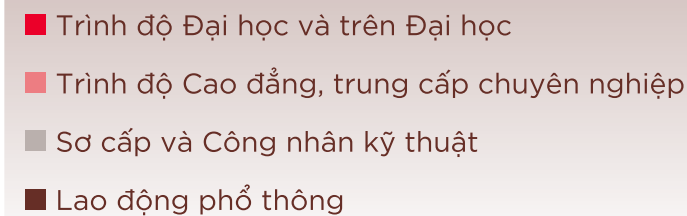
CƠ CẤU NHÂN SỰ

		Tại ngày 31/12/2021	
STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	1171	100.0%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	208	17.8%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	80	6.8%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	32	2.7%
4	Lao động phổ thông	851	72.7%
II	Theo đối tượng lao động	1171	100.0%
1	Lao động trực tiếp	785	67.0%
2	Lao động gián tiếp	386	33.0%
III	Theo giới tính	1171	100.0%
1	Nam	420	35.9%
2	Nữ	751	64.1%
IV	Theo cấp quản lý	1171	100.0%
1	Quản lý cấp cao	19	1.6%
2	Quản lý cấp trung	39	3.3%
3	Công, nhân viên	1113	95%

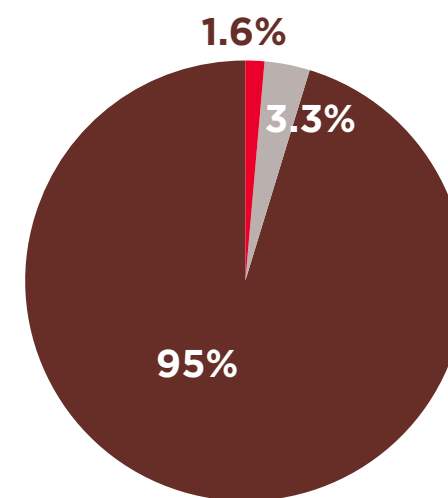
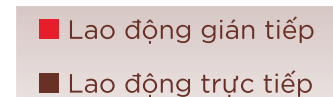
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ



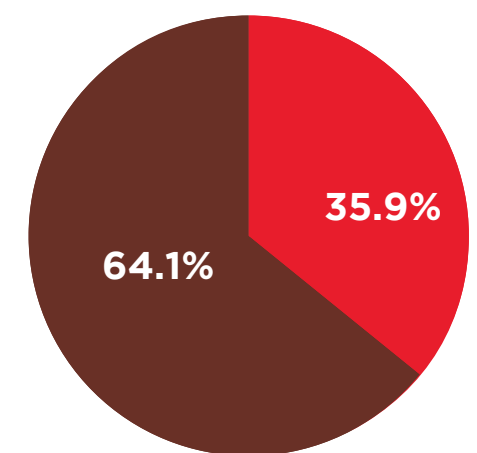
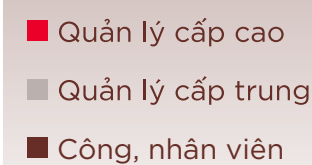
Theo trình độ lao động



Theo đối tượng lao động



Theo cấp quản lý



Theo giới tính





CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc 5 ngày/tuần (nghỉ thứ 7 và chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1.5h; bộ phận trực tiếp làm việc 6 ngày/tuần (nghỉ ngày chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1.5h. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Tăng cường tuyển dụng mạng lưới nhân sự thực tập sinh để tìm kiếm nhân sự tiềm năng, thích nghi môi trường văn hóa, bên cạnh đó góp phần tiết giảm chi phí nhân sự. Ưu tiên tuyển dụng nhân sự địa phương phù hợp với xu thế chuyển dịch lao động hiện nay, nhằm tạo sự ổn định và gắn kết.

Minh bạch trong hoạt động tuyển dụng. Tuân thủ các điều khoản liên quan tới chính sách môi trường và xã hội, chính sách bình đẳng giới trong hoạt động tuyển dụng.

Chính sách đào tạo: Lấy phương pháp thẻ điểm cân bằng BSC để điều hành doanh nghiệp, trong đó Nafoods Group tập trung vào khía cạnh gốc rễ “Học hỏi và Phát triển”, vì vậy chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đào tạo nội bộ.

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Đối với nhân sự trong nhóm 100 lao động chủ chốt của Công ty: Được cấp học bổng tham gia các khóa đào tạo thực sở trong và ngoài nước, các khóa đào tạo hoàn thiện chứng chỉ, văn bằng; Được tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu để bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, các kỹ năng quản lý, kỹ năng chuyên môn.



CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Chính sách lương: Công ty áp dụng chính sách lương 3P (chính sách lương tiến bộ nhất hiện nay) để tạo động lực cho người lao động, Cụ thể:

Lương P1: Trả theo vị trí người lao động đang nắm giữ trong doanh nghiệp, bằng cấp, thâm niên công tác.

Lương P2: Trả theo năng lực (đánh giá 1 năm/lần theo công cụ KPI để quản trị mục tiêu doanh nghiệp gắn với việc quản trị chỉ tiêu trọng yếu giao đến từng phòng ban và từng cá nhân)

Lương P3: Trả theo hiệu quả công việc của khối/phòng và của từng cá nhân. Hằng tháng/quý/năm, Công ty sẽ đánh giá hiệu quả công việc dựa trên tiêu chí được xây dựng riêng cho mỗi khối/phòng, và chi lương P3 cho khối/phòng đó. Khối/phòng dựa trên kết quả đóng góp của nhân viên để phân thưởng về từng cá nhân.



Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động công ty.



Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết, ... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.



CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

VỐN CỔ PHẦN

Tại ngày 31/12/2022, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

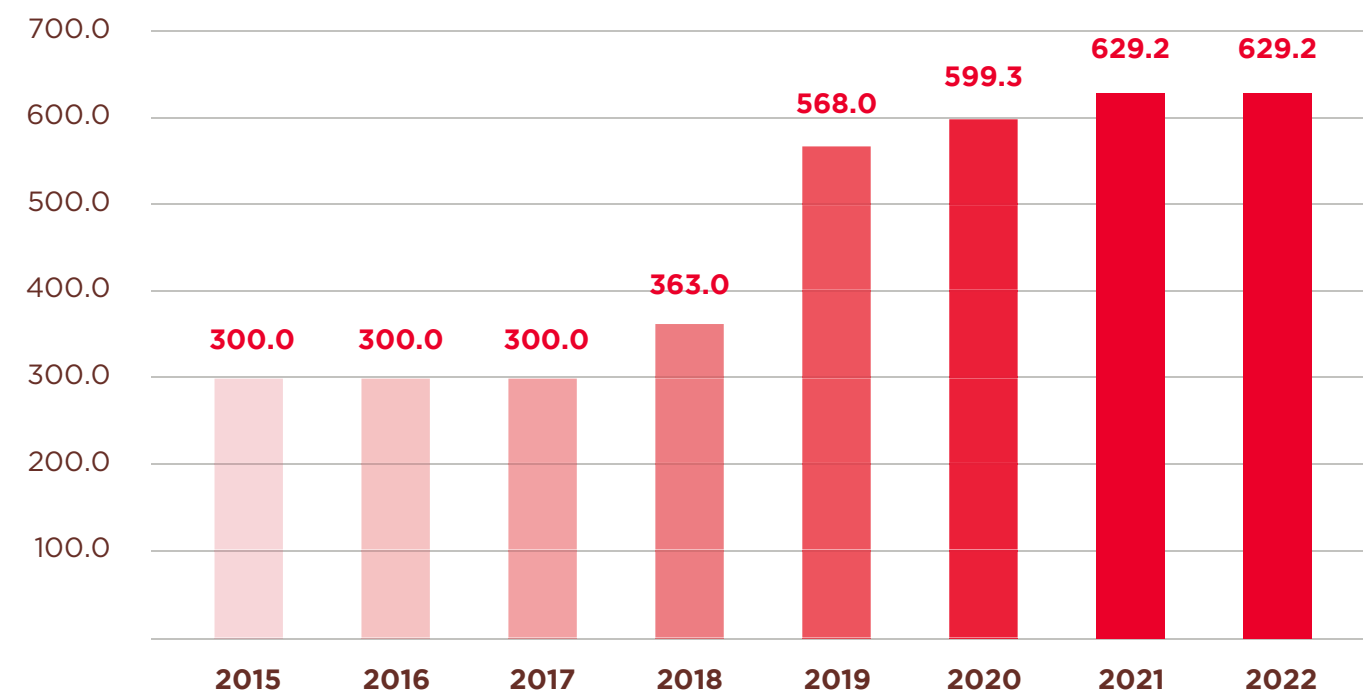
- Số cổ phần đã phát hành: 62,923,085 cổ phần
- Số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50,564,090 cổ phần
- Số cổ phần ưu đãi: 12,358,933 cổ phần
- Số cổ phiếu quỹ: 62 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phần: 10,000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn	26,510,490	42.1%	2	1	1
	- Trong nước	23,527,223	37.4%	1	-	1
	- Nước ngoài	2,983,267	4.7%	1	1	-
2	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	62	0.00%	1	1	-
4	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	12,358,933	19.6%	1	1	-
5	Cổ đông khác	24,053,600	38.2%	4,070	30	4,040
	- Trong nước	23,182,751	36.8%	4,016	17	3,999
	- Nước ngoài	870,849	1.4%	54	13	41
Tổng	Trong nước	46,710,036	74%	4,018	18	4,000
	Nước ngoài	16,213,049	26%	56	15	41

Dựa trên Danh sách cổ đông chốt ngày 22/03/2023

VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Khối 15, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Nghệ An, Việt Nam	23,527,223	46.53%
2	ENDURANCE CAPITAL VIETNAM I LIMITED	Coastal Building, Wickham's Cay II, PO Box 2221, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	2,983,267	5.9%

Dựa trên Danh sách cổ đông chốt ngày 22/03/2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

03

Tổng quan nền kinh tế và ngành nông nghiệp Việt Nam

Điểm nhấn năm 2022

Báo cáo của Ban điều hành

Báo cáo của HĐQT

Giải thưởng nổi bật năm 2022

Kế hoạch kinh doanh và Chiến lược phát triển 2023



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trong năm 2022, Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP ổn định khoảng 8.02% từ mức nền thấp năm 2021 và 2020, sau khi bình thường hoá các hoạt động xã hội từ Quý 2/2022. Trong khi đó, các quốc gia trên thế giới đang đối mặt với nhiều thách thức kinh tế, trong đó lạm phát tăng cao nhất trong nhiều thập kỷ. Tuy nhiên, năm qua kinh tế Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ và đạt được sự ổn định về mặt kinh tế vĩ mô, giữ được sự kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn.

Trong ngành nông nghiệp, sản xuất nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định trong năm 2022 và đóng vai trò quan trọng như một trụ đỡ của nền kinh tế. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản dự kiến đạt hơn 53 tỷ USD, tăng hơn 9% so với kỷ lục ngành nông nghiệp xác lập năm 2021. Thặng dư thương mại toàn ngành nông nghiệp cũng ước đạt 8.5 tỷ USD, tăng 30% so với năm trước.

Đối với mảng trồng và xuất khẩu nông sản, sản lượng được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2022, đặc biệt là đối với các loại trái cây có tiềm năng cao như xoài, măng cầu, sầu riêng và các loại trái cây nhập khẩu khác. Các doanh nghiệp và nông dân cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới, nhằm cải thiện năng suất và giảm chi phí sản xuất.

Tuy nhiên, ngành nông nghiệp cũng đang đối mặt với nhiều thách thức như biến đổi khí hậu, dịch bệnh và thị trường khó khăn. Chính phủ sẽ tiếp tục thúc đẩy các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và đào tạo nhân lực chất lượng cao trong ngành trồng trái cây.



ĐIỂM NHẤN NĂM 2022



KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG

27 NĂM**TOP 1**NHÀ XUẤT KHẨU
CHANH LEO CHÂU Á

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

70+ Quốc Gia

DOANH THU THUẦN

1,767 Tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

93 Tỷ đồngSỐ LƯỢNG CÂY GIỐNG
CHANH LEO CUNG CẤP**06** TriệuDIỆN TÍCH VÙNG TRỒNG
TRIỂN KHAI**800** haTHỊ PHẦN CÂY GIỐNG
CHANH LEO**60 %****TOP 3**NHÀ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM
RAU CỦ QUẢ VIỆT NAM



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2022, Mặc dù các quốc gia tiếp tục nỗ lực để phục hồi sau đại dịch COVID-19 nhưng xung đột Nga - Ukraine bắt đầu từ cuối tháng 2/2022 và hiện vẫn chưa có hồi kết đã đặt kinh tế toàn cầu vào những khó khăn mới. Bên cạnh đó dịch bệnh bùng phát tại Trung Quốc buộc Chính phủ nước này phải áp dụng các biện pháp phong tỏa tại nhiều tỉnh thành lớn để theo đuổi chính sách Zero - COVID đã làm trầm trọng hơn tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng. Gây ra nhiều tác động tiêu cực đến nền kinh tế và hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Nafoods nói riêng. Mặc dù vậy, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự đoàn kết, chia sẻ của tập thể cán bộ công nhân viên, cùng với nỗ lực tái cấu trúc lại cơ cấu tổ chức, bộ máy vận hành và mô hình quản trị theo định hướng “Hiệu quả - Quản trị - Số hoá”, hoạt động kinh doanh của Nafoods năm qua đã ghi nhận nhiều kết quả đáng khích lệ.

Kết quả kinh doanh cả năm 2022 của Công ty như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2022 đạt 1,766.6 tỷ đồng (tăng 9.4% so với 2021), hoàn thành 98% kế hoạch cả năm.
- Lợi nhuận gộp đạt 376.6 tỷ đồng (tăng 29.2% so với 2021), đạt 106% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 79.8 tỷ đồng (tăng 2.9% so với 2021), hoàn thành 97% kế hoạch năm.

Hoạt động xây dựng vùng nguyên liệu và thu mua nguyên liệu

- Trong nỗ lực mở rộng hoạt động sản xuất và đáp ứng nhu cầu nguyên liệu gia tăng của Tập Đoàn trong bối cảnh thị trường biến động, diễn biến phức tạp, Tập Đoàn đã triển khai công tác thu mua nguyên liệu một cách chủ động và linh hoạt, tối ưu hoá quy trình vận hành và đảm bảo lợi ích cho cả Tập Đoàn và người nông dân, đồng thời áp dụng mô hình quản lý vùng trồng và sử dụng công nghệ cao nhằm tăng năng suất, kháng sâu bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất của người nông dân và đáp ứng tiêu chuẩn Global Gap, tạo sự tin tưởng và tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

Hoạt động mở rộng hoạt động sản xuất các nhà máy

- Công ty đang liên tục đầu tư mở rộng cơ cấu tài sản hàng năm, trong năm 2022 Công ty tập trung đầu tư vào khu phức hợp Tây Nguyên theo mô hình hiện đại, khép kín bao gồm trang trại sản xuất cây giống, nhà máy sản xuất dịch chanh leo và nhà máy sản xuất các sản phẩm chanh leo nhằm hỗ trợ cho việc phát triển vùng nguyên



liệu trong khu vực. Công ty cũng đang tập trung vào việc cải thiện hiệu quả và hiệu suất hoạt động của các nhà máy hiện tại, đồng thời chú trọng đến công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn khắt khe từ khách hàng.



Sản xuất cây giống chanh leo tại viện giống Tây Nguyên



Viện giống chanh leo công nghệ cao tại Gia Lai

Hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường

- Công tác kinh doanh - thị trường đã ghi nhận kết quả khả quan với việc duy trì tốt các thị trường và đối tác truyền thống, cũng như mở rộng và đa dạng thêm nhiều thị trường và khách hàng mới tiềm năng. Công ty đã thắt chặt mối quan hệ với các đối tác chiến lược và đã xuất khẩu sản phẩm đến hơn 70 quốc gia trên thế giới. Các mảng kinh doanh cốt lõi đã định hình được chiến lược khách hàng và sản phẩm, tính chuyên gia, đội ngũ nhân sự kinh doanh.

- Đối với thị trường trong nước, bằng bộ sản phẩm ưu việt, và chiến lược bài bản giúp công ty chiếm lĩnh thị trường cây giống chanh leo, với hơn 60% thị phần. Bên cạnh đó, công ty đã tiếp cận và mở rộng mảng kinh doanh tiêu dùng nội địa, nhằm đưa các sản phẩm chất lượng cao của mình đến người tiêu dùng trong nước. Việc hoàn thiện xây dựng kênh phân phối và kênh bán hàng nội địa là điều rất cần thiết để đạt được mục tiêu này. Ngoài ra, công ty cũng đang đặt ra kế hoạch bổ sung thêm các nhóm sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường nội địa. Tất cả những nỗ lực này đều nhằm tăng cường sự phát triển bền vững của công ty trong thị trường kinh doanh nội địa.



Nafoods Group tại hội chợ Sial Paris 2022

Hoạt động Tài chính - kế toán - ngân quỹ

- Công tác quản lý tài chính - kế toán - ngân quỹ của Nafoods đã ghi nhận những nỗ lực đáng kể trong việc kiểm soát ngân sách, dòng tiền và tiết giảm chi phí lãi vay. Đặc biệt, bộ phận Tài chính kế toán dưới sự chỉ đạo của ban điều hành đã xây dựng mô hình tài chính chuyên nghiệp hơn, bao gồm hệ thống báo cáo quản trị và cung cấp thông tin, phân tích đa chiều phục vụ ra quyết định. Đồng thời, Công ty cũng đã đàm phán, hợp tác với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng.

Hoạt động tổ chức nhân sự

- Công ty Nafoods đã dành nhiều quan tâm và tập trung đầu tư vào công tác quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong suốt nhiều năm qua. Tổ chức nhân sự theo hướng chuyên nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng giúp đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được hiệu quả, bền vững. Nafoods đã xây dựng và áp dụng chính sách nhân sự hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để các nhân viên phát huy tối đa năng lực và kỹ năng của mình.

- Ngoài ra, công ty cũng đang tập trung đầu tư vào đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn lực. Đây được xem là một trong những bước đột phá quan trọng giúp cải thiện chất lượng, đội ngũ nhân sự tay nghề cao và đáp ứng tốt nhu cầu phát triển của công ty trong tương lai. Bên cạnh đó, Nafoods cũng đã bổ sung thêm nguồn nhân lực mới đến từ các Tập Đoàn, công ty trong ngành để tăng cường sức mạnh và đẩy mạnh quá trình phát triển.

- Việc xây dựng khung KPI (chỉ số hiệu quả công việc) và đánh giá phù hợp là một trong những phương tiện quan trọng giúp khuyến khích các cá nhân trong phòng ban hoàn thành các mục tiêu được giao. Khung KPI cụ thể và rõ ràng sẽ giúp nhân viên có cái nhìn rõ hơn về những mục tiêu cần đạt được và cách thức đánh giá kết quả công việc của mình. Đây cũng là cách để tạo sự minh bạch và công bằng trong việc đánh giá và thưởng phạt nhân viên, đồng thời khuyến khích nhân viên phấn đấu hết mình để đạt được mục tiêu của công ty.

Hoạt động số hoá, ứng dụng công nghệ thông tin

- Ban điều hành hiểu được ứng dụng số hoá trong nông nghiệp, và trong quản trị là cần thiết nhằm tạo ra sự khác biệt so với mô hình quản trị truyền thống. Từ đó Công ty trong năm 2022 liên tục triển khai các dự án ứng dụng công nghệ cao như dự án quản lý vùng trồng bằng phần mềm Smartfarm, triển khai các dự án ERP, quản trị kế toán ứng dụng công nghệ cao.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện/Kế hoạch
Doanh thu	1,800.0	1,766.60	98%
Lợi nhuận gộp	355.4	376.6	106%
Lợi nhuận trước thuế	98.8	94.2	95%
Lợi nhuận sau thuế	81.8	79.7	97%



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành của Công ty năm 2022 được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như:**

- Tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, thông qua các báo cáo, Tờ trình của Tổng Giám đốc.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành trên cơ sở đó có ý kiến chỉ đạo kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT.
- Kiểm tra công tác tài chính kế toán, giám sát tính tuân thủ của Ban điều hành.
- Tiến hành giám sát, kiểm soát nội bộ tại các Công ty trong hệ thống Nafoods Group.
- Giám sát việc công bố thông tin và nộp các báo cáo theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy:

- Năm 2022, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty đúng

nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ủy ban Kiểm toán tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty;
- Ban điều hành đã duy trì tốt lịch họp hằng tháng, quý để tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả cao.

- Với những kết quả đã đạt được về phát triển thị trường, doanh thu, lợi nhuận, quản lý tài chính, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban điều hành trong năm 2022.

Năm 2022, một năm với những thách thức to lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn định cao. Chịu ảnh hưởng của cạnh tranh chiến lược, chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine, với những kết quả đạt được HĐQT đánh giá: Tổng Giám đốc và Ban điều hành tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Đặc biệt, Ban điều hành đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận được ĐHĐCĐ thường niên giao phó, đảm bảo ổn định thu nhập, việc làm, sức khỏe cho 100% người lao động trong toàn hệ thống.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

- **Ủy ban chiến lược, nhân sự và lương thưởng** đã thực hiện hỗ trợ tham mưu, soát xét các văn bản liên quan đến chiến lược nhân sự, lương thưởng của hệ thống trước khi trình HĐQT, thực hiện công việc giám sát các hoạt động liên quan đến Chiến lược, nhân sự và lương thưởng của Ban điều hành.

Trong năm 2022 Ủy ban chiến lược nhân sự đã tổ chức 05 chương trình đào tạo dành cho đối tượng là thành viên Ban điều hành và quản lý cấp trung. Với các nội dung nâng cao năng lực quản lý, quản trị rủi ro, ... góp phần nâng cao chất lượng nhân sự hệ thống. Tại các buổi đào tạo không chỉ có sự giao lưu chia sẻ của các thành viên Ủy ban Chiến lược nhân sự và lương thưởng mà còn có sự trao đổi kinh nghiệm, kiến thức của các chuyên gia, các thành viên điều hành để đào tạo nhân sự hệ thống.

Ủy ban Chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã chỉ đạo các phòng/ban/nhân sự liên quan trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống SOP, bộ phân quyền, ủy quyền trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành sơ đồ chức năng toàn tập đoàn.

Ngoài ra, đại diện Ủy ban nhân sự và lương thưởng còn tham gia vào công tác đánh giá, khen thưởng, kỷ luật các nhân sự trong hệ thống, thuộc quyền hạn của mình.

- **Ủy ban kiểm toán đã thực hiện vai trò của mình thông qua các công việc sau:**

- + Ủy ban kiểm toán đã chỉ đạo phòng Kiểm soát nội bộ tiếp cận, tìm hiểu, đánh giá hệ thống/ phối hợp với các Đơn vị/ Khối/ phòng Ban để các Đơn vị/ Khối/ phòng Ban đăng ký rủi ro và kế hoạch giảm thiểu rủi ro.



+ Kiểm soát tính tuân thủ SOP, song song với việc hoàn thiện bộ SOP (quy trình quy chuẩn).

+ Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Giám sát hoạt động của Ban Điều hành về việc triển khai thực hiện việc chấp hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua hoạt động. Đại diện UBKT tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành, ghi nhận, đánh giá kết quả SXKD và đóng góp ý kiến cho kế hoạch kinh doanh.

+ Thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm và các BCTC giữa niên độ, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp và chuẩn mực với Chế độ kế toán, quy định của pháp luật hiện hành.

Ủy ban Đầu tư đã thực hiện vai trò của mình thông qua các nội dung sau:

- + Xem xét, phê duyệt các báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi trình HĐQT.
- + Thẩm định chiến lược đầu tư (đầu tư, M&A, liên doanh, liên kết) của tập đoàn do TGD trình, trình HĐQT.
- + Giám sát và báo cáo HĐQT việc thực thi các điều khoản cam kết với cổ đông và nhà đầu tư (bao gồm IFC, Finnfund, các cổ đông là nhà đầu tư tài chính quốc tế, và các cổ đông nhỏ, trong nước).

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

Năm 2023, HĐQT tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT, với phương hướng hoạt động cụ thể như sau:

- Thông qua chiến lược 2023 -2026 của toàn hệ thống Nafoods Group;
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm và giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh theo định kỳ hàng tháng cũng như hỗ trợ BĐH các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm đạt được các mục tiêu định hướng và kế hoạch kinh doanh và các chỉ số tài chính đã cam kết với Cổ đông của Công ty năm 2023;
- Tăng cường công tác Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, triển khai các cuộc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được duyệt;
- Chỉ đạo và tham gia hỗ trợ tìm kiếm thêm khách hàng mới, phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cũng như kế hoạch ứng phó với tình hình chính trị hiện nay để đảm bảo hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra;



- Chỉ đạo và tham gia hỗ trợ hoạt động M&A, hoạt động quan hệ cổ đông đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra;

- Chỉ đạo việc Công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

GIẢI THƯỞNG TRONG NĂM 2022

- Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam

- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam



Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam 2022



Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Bước sang năm 2023, theo dự báo của các tổ chức quốc tế, kinh tế thế giới có nhiều khó khăn hơn năm 2022 gắn với áp lực lạm phát, nợ công, nợ xấu cao, trong khi suy giảm tổng cầu tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự đứt gãy các chuỗi kinh tế và thị trường thương mại truyền thống ở châu Âu; đặc biệt, thị trường năng lượng vẫn diễn biến bất thường và tạo nhiều tình huống khó lường cho tất cả các nước. Ngoài ra, sự mở cửa biên giới trở lại của Trung Quốc tháng 01/2023 vừa tạo nhiều động lực và kỳ vọng tích cực về nhu cầu tiêu thụ của thị trường Trung Quốc, và sự khôi phục các chuỗi cung ứng và thị trường quốc tế, tuy nhiên cũng vừa đặt ra không ít quan ngại về sự gia tăng các động thái phức tạp của dịch bệnh Covid-19, và khả năng ảnh hưởng đến sự ổn định của cung cầu thị trường.

Trong bối cảnh đó, Ban điều hành nhận định, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods dự kiến cũng sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Cụ thể:

- Giá các loại nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, và diễn biến bất ổn trong khi áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty;
- Các lệnh trừng phạt kinh tế nhằm vào Nga tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại thị trường này;
- Giá dầu bất ổn sau các căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển, logistic;
- Áp lực lạm phát, tăng lãi suất ảnh hưởng đến chi phí lãi vay và khả năng huy động vốn của Công ty.

Với trách nhiệm cao trước các cổ đông, Ban điều hành cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên cam kết đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được các mục tiêu:

- Doanh thu thuần: 2,125 tỷ đồng, tăng 20.3% so với thực hiện năm 2022.

- Lợi nhuận sau thuế: 106 tỷ đồng, tăng 33.1% so với thực hiện năm 2022.

- Thực hiện định hướng 2023-2026 hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất / cung ứng bền vững. Trở thành Tập đoàn tiên phong trong việc phát triển chuỗi nông nghiệp số hóa, xanh và bền vững.

Mục tiêu cụ thể năm 2023:

- Ngành kinh doanh công nghiệp: Giữ vững vị thế xuất khẩu các sản phẩm nước ép chanh leo. Tăng thị phần và giữ vững vị thế số 1 thị phần xuất khẩu thanh long, xoài Keaw (IQF).

- Ngành kinh doanh sản phẩm tiêu dùng :

+ Hoàn thiện chất lượng sản phẩm và chuỗi cung ứng mảng Sấy để cải thiện biên lợi nhuận, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu các sản phẩm Sấy vào các nước Châu Âu, Châu Mỹ,...

+ Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu các sản phẩm Nafoods cho thị trường tiêu dùng trong

nước, mở rộng độ phủ nhận biết khách hàng.

- Ngành Kinh doanh giống: xây dựng hệ thống phân phối trải rộng và tăng độ phủ, tiếp tục đẩy mạnh chiếm lĩnh thị phần cây giống chanh leo, duy trì vị thế thống lĩnh thị trường.

- Về chuỗi cung ứng:

+ Hoàn thành việc xây dựng dự án nhà máy sản xuất các sản phẩm rau củ quả Nafoods Tây Nguyên 2.

+ Đưa vào triển khai dự án Nasoco2.

+ Đưa vào vận hành nhà máy NFTN, với các line sản xuất dịch chanh leo cô đặc, Puree. Với năng suất lên đến 400 tấn nguyên liệu/ngày. Chủ động sản xuất và kiểm soát chất lượng nguồn dịch chanh leo. Nâng cấp chuyển đổi hệ thống quản trị chất lượng đáp ứng đồng nhất tiêu chuẩn chất lượng của khách hàng.

+ Đưa vào vận hành chương trình quản lý vùng trồng, với mục tiêu chủ động và kiểm soát chất lượng nguồn cung nguyên vật liệu quả tươi đầu vào cho các nhà máy, và quy mô lên đến 3,000 ha, làm việc với hơn 50 HTX và 1,700 Nông hộ.

+ Quản trị tốt hàng tồn kho, theo dõi sát biến động giá nguyên liệu để có chính sách điều tiết hợp lý, lưu kho chủ động.

+ Cập nhật biến động tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt biến động tỷ giá và lãi suất, để có chính sách quản lý dòng tiền hiệu quả, tiết giảm chi phí tài chính.

- Về hệ thống quản trị:

+ Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy trình vận hành theo chuẩn thực hành tốt nhất và nâng cao năng lực lập và kiểm soát kế hoạch.

+ Hoàn tất quá trình chuyển đổi số giai đoạn 2: sử dụng bao gồm các phân hệ tài chính kế toán, hệ thống báo cáo quản trị, phân tích tham mưu, hệ thống tương tác với đối tác bên ngoài (khách hàng, nhà cung cấp...), sử dụng phần mềm Smart Farm để thu thập và cung cấp các thông tin về gieo trồng, thu hoạch.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

04

Hội đồng quản trị

Ủy ban kiểm toán

Kiểm toán nội bộ/quản trị rủi ro

Giao dịch/thù lao và các khoản lợi ích

Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị công ty

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông



RISK

Min



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022, HĐQT tiếp tục bám sát các Nghị quyết ĐHĐCĐ, tổ chức, triển khai và nghiêm chỉnh thực hiện các nội dung đã thông qua tại ĐHĐCĐ. Các thành viên HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã thực thi các nhiệm vụ một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, và các quy chế hoạt động của Công ty.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT độc lập)	01/09/2021	
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	23/05/2020	
3	Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	23/05/2020	
4	Ông Nguyễn Tiến Chinh	TV. HĐQT (không điều hành)	23/05/2020	
5	Ông Johan De Geer	TV. HĐQT (không điều hành)	23/05/2020	
6	Ông Phạm Duy Thái	TV. HĐQT	23/05/2020	
7	Ông Johan Nyvene	TV. HĐQT độc lập	23/05/2020	

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

Trong năm 2022 HĐQT đã tiến hành tổ chức 07 cuộc họp HĐQT trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Số buổi họp và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Điền Thị Lan Phương	7/7	100%
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	7/7	100%
3	Bà Phan Thị Minh Châu	6/7	85.71%
4	Ông Nguyễn Tiến Chinh	7/7	100%
5	Ông Johan de Geer	7/7	100%
6	Ông Phạm Duy Thái	7/7	100%
7	Ông Johan Nyvene	7/7	100%



CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-HĐQT	24/02/2022	- Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT). - Thông qua danh sách thành viên của các Ủy ban trực thuộc HĐQT.	100%
2	02/2022/NQ-HĐQT	25/02/2022	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	100%
3	03/2022/NQ-HĐQT	04/04/2022	Thông qua việc ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Công ty Cổ phần Nafoods Group.	100%
4	04/2022/NQ-HĐQT	07/04/2022	Thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	100%
5	05/2022/NQ-HĐQT	01/06/2022	- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Nafoods Group. - Thông qua việc ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn giữa Công ty CP Nafoods Group với Công ty CP Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu. - Thông qua việc bãi nhiệm và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nafoods Group.	100%
6	06/2022/NQ-HĐQT	30/09/2022	- Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022. - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2022. - Thông qua việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý của Công ty cổ phần Nafoods Group. - Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng đại diện, người đứng đầu Văn phòng đại diện.	100%
7	07/2022/NQ-HĐQT	13/10/2022	- Thông qua việc bầu chức danh Phó Chủ tịch HĐQT. - Thông qua việc HĐQT ủy quyền cho Bà Điền Thị Lan Phương/Chủ tịch HĐQT; Ông Nguyễn Mạnh Hùng/Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc phê duyệt các Hợp đồng/Giao dịch phát sinh trong hoạt động sản xuất/kinh doanh của công ty.	100%



ỦY BAN KIỂM TOÁN

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Cho đến thời điểm hiện tại, UBKT có 03 thành viên, tăng thêm 01 thành viên trong cơ cấu thành viên so với năm 2021. Cụ thể thông tin các thành viên được tóm tắt như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên	Trình độ chuyên môn
1	Bà Diễm Thị Lan Phương	Chủ tịch	18/10/2021	Cử nhân Tài chính
2	Bà Phan Thị Minh Châu	Thành viên	23/07/2020	Kỹ sư Kinh tế
3	Ông Johan Nyvene	Thành viên	30/09/2022	Cử nhân Tài chính

CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm 2022, UBKT đã tổ chức 03 cuộc họp với đầy đủ thành viên tham gia. Ngoài ra, các thành viên của UBKT thường xuyên làm việc, trao đổi công việc qua email, điện thoại để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự buổi họp
1	Bà Diễm Thị Lan Phương	3/3	100%	100%	
2	Bà Phan Thị Minh Châu	2/3	66.67%	100%	Lý do cá nhân
3	Ông Johan Nyvene	1/3	33.33%	100%	Bổ nhiệm ngày 30/09/2022

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp tháng của BĐH. Đóng góp ý kiến, chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, BĐH, đảm bảo bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ủy ban Kiểm toán đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Thực hiện giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, định kỳ yêu cầu các phòng ban chuyên trách thực hiện báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến quản trị Công ty.
- Thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm và các BCTC giữa niên độ, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán, quy định pháp luật hiện hành.
- Thực hiện giám sát và đánh giá tuân thủ tại Công ty, dựa trên kết quả đó đưa ra các khuyến nghị một cách hữu hiệu nhằm hỗ trợ đạt được các mục tiêu định hướng của Tập Đoàn.
- Trong năm 2022, việc thực hiện bổ nhiệm và miễn nhiệm các thành viên trong cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành đã được thực hiện lấy ý kiến của Cổ đông và đúng theo quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.

- Các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp tháng của BĐH. Đóng góp ý kiến, chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, BĐH, đảm bảo bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ủy ban Kiểm toán đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Thực hiện giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, định kỳ yêu cầu các phòng ban chuyên trách thực hiện báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến quản trị Công ty.



- Thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm và các BCTC giữa niên độ, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán, quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện giám sát và đánh giá tuân thủ tại Công ty, dựa trên kết quả đó đưa ra các khuyến nghị một cách hữu hiệu nhằm hỗ trợ đạt được các mục tiêu định hướng của Tập Đoàn.

- Trong năm 2022, việc thực hiện bổ nhiệm và miễn nhiệm các thành viên trong cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành đã được thực hiện lấy ý kiến của Cổ đông và đúng theo quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

GIÁM SÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Các báo cáo tài chính bán niên và năm được thành lập và công bố phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

- Trong năm không có sự thay đổi nào trong chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu đến tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.

- Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc gian lận liên quan đến các ước tính kế toán.

- Không ghi nhận bất kỳ các trường hợp phát sinh giao dịch bất thường giữa các bên liên quan.

- UBKT đã thực hiện xem xét BCTC các quý và cả năm 2022 trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán độc lập, nhất trí với kết luận và những đánh giá của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, BCTC được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 theo Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam

GIÁM SÁT DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Kế hoạch thực hiện kiểm toán 2022 của Công ty Kiểm toán độc lập là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của Kiểm toán độc lập.

- Công ty Kiểm toán độc lập đã hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng kỳ vọng của Ủy ban



Kiểm toán, đảm bảo độ tin cậy, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

GIÁM SÁT HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

- Việc áp dụng bộ phân quyền tập trung cho Tập đoàn được thực hiện tuân thủ và chấp hành nhằm đảm bảo việc giao quyền, phân quyền ra quyết định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo nguyên tắc kiểm tra chéo, phân cấp phân quyền với mục tiêu hạn chế rủi ro.

- Hoạt động truyền thông về Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro đã được thực hiện hướng đến HĐQT và các thành viên Ban điều hành, Giám đốc các đơn vị và cán bộ quản lý cấp trung. Nâng cao năng lực lập kế hoạch (hoạt động, ngân sách, thời hạn & độ chính xác) và tính tuân thủ kế hoạch ngân sách.

- Tổ chức nhận diện cùng Ban Điều Hành 10 rủi ro ưu tiên hàng đầu mà Công ty cần có có giải pháp hữu hiệu kiểm soát nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu hoạt động năm 2023 cũng như chiến lược giai đoạn 2022-2026. Hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện định kỳ, theo dõi và giám sát liên tục nhằm kịp thời đưa ra các phương án ứng phó rủi ro phù hợp.

- Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật, hướng dẫn thực hiện và quản lý bởi đơn vị chuyên trách. Việc tuân thủ các quy trình được thực hiện tốt và có xu hướng tích cực qua thời gian. Hệ thống kiểm soát nội bộ được liên tục hoàn thiện, nhằm đảm bảo khuôn khổ thực thi hữu hiệu trong giai đoạn tái cơ cấu tổ chức.

- Quy trình lập – soát xét – phê duyệt chiến lược 2022-2026 đã và đang được thực hiện chuẩn hóa, hoàn thiện.

- Xây dựng kho dữ liệu quản trị kinh doanh giai đoạn một của Công ty. Quý IV/2022 đã thực hiện việc hỗ trợ Ban Điều hành xây dựng lại bộ Báo cáo quản trị, lập kế hoạch kinh doanh 2023 nhằm phục vụ cho việc đưa ra quyết định kinh doanh đúng với định hướng mục tiêu của tập Đoàn cũng như phục vụ cho mục tiêu kiểm soát nội bộ.

GIÁM SÁT HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Phòng Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro được thành lập tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Quy chế Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Công ty Cổ Phần Nafoods Group được thông qua và ban hành theo Nghị Quyết 03/2022/NQ/HĐQT ngày 04 tháng 04 năm 2022 bởi Hội đồng quản trị.

Kiểm toán nội bộ chủ động thực hiện các hoạt động phối hợp, tư vấn trong hoạt động



quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ thay vì chỉ thực hiện các cuộc kiểm toán, đánh giá thuần túy.

Các cuộc kiểm toán đánh giá đã được thực hiện định kỳ, đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban Kiểm toán theo định hướng rủi ro và hoàn thành tốt trong phạm vi nguồn lực.

Các khuyến nghị và cảnh báo của Kiểm toán nội bộ được đơn vị đồng thuận, tiếp thu và nghiêm túc thực hiện thông qua các báo cáo cải thiện định kỳ và được theo dõi sát sao bởi Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành nhiệm vụ cũng như chỉ đạo của Ủy ban Kiểm toán theo kế hoạch được giao, góp phần vào cải thiện quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả hoạt động của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2023

Tiếp tục thực hiện củng cố hệ thống quy trình, quy chuẩn cho các khối phòng ban thông quan soát xét, đào tạo lập và đánh giá chất lượng các quy trình chính sách cần có, đồng thời soát xét đánh giá phương án để hạn chế và giảm thiểu rủi ro đã được nhận diện từ các khối phòng ban.

Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động tuân thủ hệ thống quy trình của các đơn vị trong công ty và đưa ra kiến nghị nhằm kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro.

Soát xét và đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện hệ thống thông tin ERP và các kho dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin, phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, kế hoạch hóa và kiểm soát nội bộ.

Thực hiện lên kế hoạch định kỳ và đột xuất cho các công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị - đầu tư của Ban Điều Hành. Đảm bảo việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đưa ra, từ đó thực hiện ghi nhận, đánh giá kịp thời thành tích của Ban Điều Hành, đưa ra các



khuyến nghị, góp ý cho kế hoạch kinh doanh của Ban Điều Hành trong năm 2023 nhằm tiến tới mục tiêu chiến lược 2022-2026 và kế hoạch năm 2023 của Tập Đoàn.

Thực hiện duy trì và phối hợp mối quan hệ giữa Ủy Ban Kiểm toán và Ban Điều Hành nhằm thúc đẩy phát huy tốt vai trò của Kiểm toán nội bộ trong Công ty.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông văn hóa Quản trị rủi ro doanh nghiệp đến các phòng ban, HĐQT và các thành viên Ban Điều Hành. Giám đốc các đơn vị và các cán bộ quản lý nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Tập Đoàn.





KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Phòng Kiểm toán nội bộ được thành lập chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp bởi Ủy Ban Kiểm toán, chủ động thực hiện các hoạt động phối hợp, tư vấn trong hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ thay vì chỉ thực hiện các cuộc kiểm toán, đánh giá thuần túy.

Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành nhiệm vụ cũng như chỉ đạo của Ủy ban Kiểm toán theo kế hoạch được giao, góp phần vào cải thiện quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Trong năm 2022, Phòng Kiểm toán Nội bộ của Tập đoàn Nafoods đã kiểm tra, rà soát và đánh giá các hoạt động kinh doanh và biện pháp tuân thủ của các đơn vị trong Tập đoàn Nafoods, với các hoạt động sau:

LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

Thực hiện đánh giá rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thuộc Tập Đoàn phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm toán theo định hướng rủi ro. Các khía cạnh xem xét trong cuộc kiểm toán bao gồm nhưng không giới hạn ở các khía cạnh tài chính – tuân thủ - hoạt động.

Từ định hướng rủi ro và xác định nguồn lực nội tại của Kiểm toán nội bộ, thực hiện lên kế hoạch kiểm toán năm trên cơ sở các đơn vị thuộc Tập Đoàn.

TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

Thực hiện triển khai các cuộc kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán năm đã được thông qua và đột xuất theo chỉ đạo của Ủy Ban Kiểm toán, Hội Đồng Quản Trị:

Rà soát, đánh giá hoạt động tuân thủ quy trình, quy định, điều lệ của nội bộ công ty và pháp luật hiện hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thuộc tập đoàn;

Đánh giá mức độ phù hợp và hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, đưa ra các khuyến nghị để xuất nhằm kiện kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế phòng ngừa rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Kiểm tra đánh giá tính chính xác, trung thực và hợp lý các số liệu của báo cáo quản trị, báo cáo tài chính, xác định độ tin cậy của các thông tin tài chính và phi tài chính phục vụ cho hoạt động đưa ra quyết định kinh doanh; Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện



cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ. Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị kiểm toán;

Hoàn thành các hạng mục khác theo chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm toán;

Để phù hợp với xu hướng phát triển của hoạt động kiểm toán nội bộ trên thế giới và đáp ứng nhu cầu thiết thực của Tập đoàn trong việc có một bộ máy độc lập và chuyên trách để sát sao theo dõi hoạt động và tài chính của các đơn vị, trong thời gian tới, Phòng Kiểm toán Nội bộ sẽ tiếp tục tăng cường các hoạt động đánh giá, tư vấn để hỗ trợ Tập đoàn nhằm tiến đến mục tiêu chiến lược 2022 – 2026.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2022 đánh dấu bước phát triển mới của công tác quản trị rủi ro tại Tập đoàn. Rủi ro được quản trị xuyên suốt không chỉ ở cấp Tập Đoàn mà tại cấp đơn vị phòng - ban, nhằm khai thác tối đa các cơ hội và giảm thiểu rủi ro, tối ưu hóa lợi ích của nhà đầu tư, đối tác, và của Tập Đoàn.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN TRỊ RỦI RO

Cơ quan, bộ phận	Vai trò của quản trị rủi ro
Hội đồng Quản trị	Thực hiện ban hành các quy chế, chiến lược, quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của bộ máy Quản trị rủi ro.
Tổng Giám đốc	Giám sát, đảm bảo hoạt động Quản trị rủi ro được thực hiện xuyên suốt phù hợp với chiến lược và chính sách Quản trị rủi ro
Bộ phận Quản trị rủi ro thuộc Phòng Kiểm toán nội bộ	Phối hợp với các đơn vị, phòng ban thực hiện Quản trị rủi ro thông qua các công cụ quản lý, quy trình Quản trị rủi ro tại Tập Đoàn



CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2022

Công tác quản trị rủi ro được thực hiện triển khai, truyền thông đến các cấp quản lý Tập đoàn về văn hóa quản trị rủi ro áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 31000 cũng như các thông lệ quốc tế có liên quan đến quản trị rủi ro bao gồm các bước:

Nhận diện rủi ro

Xác định ở mức tối đa các rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu của Tập đoàn, nguồn gốc và khả năng ảnh hưởng của các rủi ro thông qua nghiên cứu, tìm hiểu trong từng lĩnh vực kinh doanh, soát xét danh mục và nhóm rủi ro, nhận diện các yếu tố về rủi ro và cập nhật danh mục rủi ro của Tập đoàn;

Phân tích rủi ro

Xem xét nguồn gốc của rủi ro, phân tích mức độ ảnh hưởng và tần suất xảy ra rủi ro trên hai khía cạnh định lượng và định tính;

Đánh giá thứ tự ưu tiên rủi ro

Xếp hạng và đánh giá thứ tự ưu tiên của rủi ro dựa trên các tiêu chí đánh giá rủi ro được xây dựng trên nhiều phương diện, bao gồm cả định lượng và định tính;

Xử lý rủi ro

Xác định phương án xử lý rủi ro, đánh giá, lựa chọn giải pháp và triển khai kế hoạch xử lý rủi ro tương ứng, với mục tiêu nắm bắt cơ hội, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực mà rủi ro gây ra.

Giám sát rủi ro

Liên tục soát xét nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của chương trình Quản trị rủi ro.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, hoạt động truyền thông, đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro đã được thực hiện hướng đến HĐQT và các thành viên Ban điều hành, Giám đốc các đơn vị và cán bộ quản lý cấp trung, toàn bộ nhân viên trong Tập đoàn bằng hình thức trực tuyến.

Truyền thông và tham vấn

- Thực hiện các hoạt động truyền thông và đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về văn hóa rủi ro của doanh nghiệp đến cán bộ nhân viên đặc biệt và quản lý cấp cao.
- Trao đổi, cân nhắc ý kiến của các bên liên quan, đảm bảo mỗi bên liên quan đều nhận thức đầy đủ về vai trò và trách nhiệm Quản trị rủi ro.



QUẢN TRỊ CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH

Tiếp tục cập nhật và hoàn thiện phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro theo danh mục rủi ro từ cấp phòng ban đến cấp độ Tập đoàn.

Thực hiện quản trị các rủi ro theo phân nhóm rủi ro dựa theo danh mục đã xây dựng. Theo đó các rủi ro được phân nhóm dựa theo đặc thù của ngành nghề, lĩnh vực, tác động và mức độ ảnh hưởng của nó đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập Đoàn

Nhóm rủi ro vĩ mô và thị trường kinh doanh

Thực hiện các giải pháp nhằm theo dõi chặt chẽ các xu hướng biến đổi của thị trường bao gồm gia thu mua, chi phí đầu vào, để đưa ra các dự báo theo từng kỳ, từ đó đưa ra được các phương án kinh doanh phù hợp trong tình hình thị trường biến động.

Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi và đồng nhất hệ thống ERP nhằm tiết kiệm chi phí quản lý và kiểm soát giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tập Đoàn.

Nhóm rủi ro hoạt động công nông nghiệp và chuỗi cung ứng

Xây dựng các chính sách đồng hành cùng nông dân tại vùng trồng, nông hộ, đưa ra các chính sách đầu tư hợp lý giúp duy trì nguồn cung nguyên vật liệu cung ứng cho sản xuất

Triển khai các chính sách thúc đẩy và chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật đến các nông hộ nhằm tạo động lực thúc đẩy gia tăng sản xuất và nâng cao sản lượng nguyên vật liệu.

Nhóm rủi ro về thương hiệu và danh tiếng

Thực hiện xây dựng các quy chuẩn, quy trình hoàn thiện hệ thống đánh giá các khủng hoảng về truyền thông cũng như các thông tin tiêu cực nhằm đưa ra các phương án ứng phó nhanh chóng và phù hợp

Ban hành các quy định về đăng tải nội dung trên mạng xã hội và các thông tin công bố đại chúng.

Nhóm rủi ro về môi trường

Thường xuyên thực hiện theo dõi diễn biến thời tiết cũng như điều kiện môi trường thổ nhưỡng tại các vùng nguyên vật liệu thông qua phần mềm theo dõi vùng trồng, từ đó đưa ra các cảnh báo kịp thời về nguy cơ sâu hại dịch bệnh có thể xảy ra và các biện pháp để phòng.



Nhóm rủi ro về tài chính

Thực hiện mở rộng, đa dạng hóa nguồn vốn huy động

Lập và quản lý ngân sách theo từng hạng mục quản lý nhằm giảm thiểu ảnh hưởng rủi ro do lạm phát. Thực hiện giám sát và tuân thủ quy trình liên quan đến lập và quản lý ngân sách.

Thường xuyên theo dõi và cập nhật các chính sách tín dụng cũng như văn bản pháp luật mới liên quan đến hệ thống tín dụng, ngân hàng, đảm bảo các thông tin tài chính phù hợp nhằm điều chỉnh hoạt động huy động vốn phù hợp và kịp thời.

Nhóm rủi ro về quản trị nguồn nhân lực

Mở rộng nguồn tuyển dụng nhân lực, duy trì và hoàn thiện hệ thống đánh giá năng lực dựa trên tiêu chí công bằng, minh bạch với lộ trình phát triển rõ ràng.

Thường xuyên nắm bắt thị trường lao động để cải thiện và đưa ra các chính sách đãi ngộ phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Duy trì và thực hiện đào tạo nguồn nhân lực kế thừa đối với vị trí chủ chốt trong Tập Đoàn.

Nhóm rủi ro về an toàn và bảo mật thông tin

Đào tạo về chính sách bảo mật thông tin, thường xuyên cảnh báo, và truyền thông về cách sử dụng và bảo vệ thiết bị Công nghệ thông tin và tài nguyên thông tin phù hợp với chính sách bảo mật thông tin của Tập Đoàn.

Duy trì giám sát hệ thống, nâng cao quản lý mạng lưới thông tin nội bộ.

Nhóm rủi ro tuân thủ và pháp lý

Chủ động nghiên cứu vận dụng các quy định mới để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả trên tinh thần thượng tôn pháp luật.

Ban hành, sửa đổi và cập nhật các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với những thay đổi, phát triển của Công ty và của môi trường bên ngoài, đặc biệt là hệ thống chính sách pháp luật hiện hành.

Nhóm rủi ro bất khả kháng

- Theo dõi sâu sát diễn biến, đưa ra các biện pháp phòng chống kịp thời và hợp lý, đồng thời áp dụng các sáng kiến kinh doanh giúp giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sự kiện đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.



Thường xuyên theo dõi các diễn biến chính trị có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, đặc biệt đối với các khu vực xuất khẩu chịu ảnh hưởng để có phương án kinh doanh phù hợp.

Tăng cường tạo truyền thông văn hóa quản lý rủi ro đến từng cá nhân và đặc biệt là các cấp quản lý của Tập Đoàn. Với các định hướng trên, hoạt động Quản lý rủi ro sẽ ngày càng được đi sâu vào công việc hàng ngày và trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động của Nafoods, không những giúp Nafoods ngày một vững vàng đảm bảo đạt được mục tiêu mà còn đưa hệ thống Quản lý rủi ro đạt được bước tiến trưởng thành mới.



GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

TỔNG MỨC THÙ LAO CHI TRẢ CHO HĐQT NĂM 2022

SST	Họ và tên	Chức danh	Lương/Thù lao (đồng)
1	Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT/Thành viên HĐQT độc lập	1,175,000,000
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	1,200,000,000
3	Phan Thị Minh Châu	Thành viên HĐQT	160,000,000
4	Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	240,000,000
5	Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	120,000,000
6	Johan De Geer	Thành viên HĐQT	60,000,000
7	Johan Nyvene	Thành viên HĐQT độc lập	480,000,000
Tổng cộng			3,435,000,000

Bên cạnh chi thù lao, còn có các khoản chi phục vụ hoạt động HĐQT trong năm 2022 như sau:

- Chi phí công tác phí của các thành viên HĐQT (chi phí vé máy bay, di chuyển, phòng nghỉ, ăn uống): 162,000,000 đồng.

Như vậy ngân sách hoạt động (bao gồm thù lao) của HĐQT và BKS năm 2022 Công ty đã thực hiện chi trả là: 3,597,000,000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm chín mươi bảy triệu đồng), tương ứng 4.6% lợi nhuận sau thuế năm 2022. Với mức chi trả thù lao nêu trên, đã tuân thủ mức thù lao mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã phê duyệt.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Thị Minh Châu	Người nội bộ	2,225,805	3.54%	1,069,405	1.70%	Bán - Nhu cầu tài chính cá nhân
2	Hồ Hải Quân	Người nội bộ	185,904	0.30%	84,704	0.13%	Bán - Nhu cầu tài chính cá nhân
3	Hồ Thị Loan	Người nội bộ	112,607	0.18%	16,407	0.03%	Bán - Nhu cầu tài chính cá nhân



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đối với quản trị công ty, Nafoods Group tuân thủ bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) phối hợp với Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) soạn thảo và ban hành.

Bên cạnh các thông lệ tốt theo quy định pháp luật hiện hành, Bộ Nguyên tắc này nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực cao hơn yêu cầu tối thiểu theo quy định pháp luật.

Tình hình thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty theo Bộ nguyên tắc này tại Nafoods Group:

TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

NGUYÊN TẮC 1: THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Tại Nafoods Group, vai trò và trách nhiệm của HĐQT được cụ thể hóa trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua và công bố đầy đủ trên website của Công ty.

1.2. Trong giai đoạn hiện tại, với kiến thức và kinh nghiệm của mình, HĐQT Nafoods Group không chỉ là cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt, mà còn trực tiếp cùng Ban điều hành tham gia vào quá trình xây dựng định hướng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, kế hoạch kinh doanh/ngân sách hàng năm của Công ty với vai trò hỗ trợ về cả kỹ thuật lẫn định hướng. HĐQT cũng thành lập Ủy ban trực thuộc, kiểm soát hoạt động kiểm toán và Quản trị rủi ro, giám sát hoạt động đầu tư nội bộ cũng như bên ngoài (bao gồm các hoạt động M&A), đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án trước và sau đầu tư...

1.3. Các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận, kiến nghị, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các tài liệu họp đều được yêu cầu gửi đến các thành viên HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày họp.

1.4. Các thành viên HĐQT của Nafoods Group đều có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong năm.

1.5. Ủy ban chiến lược, nhân sự & lương thưởng trực thuộc HĐQT Nafoods Group có trách nhiệm soạn lập/phê duyệt chính sách/chương trình hoạch định nhân sự kế thừa, CEO+1, Top 100, Top 50 và quản trị nhân tài của Công ty (đặc biệt là từ thành viên HĐQT cho đến Cán bộ quản lý); giám sát thực thi và hiệu quả của chính sách/chương trình này.

NGUYÊN TẮC 2: THIẾT LẬP MỘT HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP

Nafoods Group luôn cố gắng duy trì một HĐQT chuyên nghiệp, khách quan, hoạt động hiệu quả với vai trò bảo đảm lợi nhuận và sự bền vững của công ty, vì lợi ích cao nhất của công ty và toàn bộ cổ đông của công ty.

2.1. Tập thể HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên có chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả. HĐQT đương nhiệm của Nafoods Group bao gồm bảy (07) thành viên, tương đối đa dạng về trình độ chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, khía cạnh văn hoá (xem chi tiết tại phần giới thiệu các thành viên HĐQT từ trang 42 đến trang 47). Từ đó, cho phép HĐQT tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm, làm cho quy trình ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn.

HĐQT hiện có hai (02) thành viên là nữ, chiếm 30% tổng số thành viên HĐQT, đảm bảo tối ưu hoá lợi ích của sự đa dạng về giới tính trong HĐQT. Việc giới thiệu ứng viên để bầu bổ sung, bầu mới thành viên HĐQT cũng được Ủy Ban Chiến lược, Nhân sự và Lương thưởng (trước đây là Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng) trực thuộc HĐQT xem xét cẩn trọng theo quy trình lựa chọn ứng viên thành viên HĐQT trước khi trình HĐQT xem xét và đưa vào chương trình bầu cử của ĐHĐCĐ của Công ty theo quy trình đã được ban hành và đang áp dụng tại Công ty.

2.2. HĐQT đương nhiệm của Nafoods Group bao gồm năm (05) thành viên không điều hành, trên tổng số bảy (07) thành viên, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và đảm bảo có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.

2.3. HĐQT Nafoods Group đã bổ nhiệm Thư ký công ty, Người phụ trách Quản trị Công ty và thành lập Văn phòng HĐQT trong đó Chánh Văn phòng HĐQT là thành viên HĐQT điều hành (Giám đốc khối Quản trị - Đầu tư), là bộ phận chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT.



NGUYÊN TẮC 3: BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT

3.1. HĐQT đương nhiệm của Công ty có hai (02) thành viên độc lập, đảm bảo quy định tối thiểu 20% số thành viên HĐQT của Công ty là thành viên độc lập (đối với mô hình CTCP không có BKS). Sự có mặt của các thành viên độc lập trong HĐQT bảo đảm việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban Điều hành, bao gồm việc ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau của Công ty.

3.2. Các thành viên HĐQT độc lập của Công ty (Bà Diễm Thị Lan Phương và ông Johan Nyvene) đều có đầy đủ các tiêu chuẩn và năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho HĐQT. Cả hai thành viên này đều có chuyên môn và kinh nghiệm để tham gia và lãnh đạo Ủy ban Kiểm toán và Ủy ban Đầu tư trực thuộc HĐQT.

3.3. Các thành viên HĐQT độc lập của Công ty đều tham gia HĐQT chưa quá năm (05) năm.

3.4. Chủ tịch HĐQT của Công ty không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, đảm bảo có cân bằng phù hợp về quyền lực, tăng trách nhiệm giải trình và tăng cường năng lực của HĐQT để ra quyết định độc lập.

NGUYÊN TẮC 4: THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

HĐQT Nafoods Group đã thành lập ba (03) uỷ ban chuyên trách trực thuộc HĐQT, bao gồm: Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Chiến lược, Nhân sự & Lương thưởng, để hỗ trợ HĐQT thực hiện chức năng và tránh xung đột lợi ích:

4.1. Ủy ban Kiểm toán của Nafoods Group bao gồm hai (02) thành viên, đều là thành viên HĐQT không điều hành, có kiến thức chuyên môn về kiểm toán nội bộ, kế toán theo chuẩn mực IFRS và VAS, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát. Chủ tịch Ủy ban – Bà Diễm Thị Lan Phương – là thành viên HĐQT độc lập, có chuyên môn và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản trị.

HĐQT đã thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong đó quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Quy chế này cũng được HĐQT công bố trên website của Công ty.

4.2. Ủy ban Chiến lược, nhân sự & lương thưởng và Ủy ban Đầu tư cũng được thành lập từ năm 2021 đã và đang phát huy vai trò trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT. Chủ tịch Ủy ban Chiến lược nhân sự và Lương thưởng là Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Chủ tịch Ủy ban Đầu tư là ông Johan Nyvene - Thành viên HĐQT độc lập. HĐQT



cũng đã thông qua và công bố thông tin Quy chế hoạt động của các uỷ ban này trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động của các uỷ ban.

NGUYÊN TẮC 5: BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT

Hàng năm, các uỷ ban và HĐQT đều tự thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của từng uỷ ban và thành viên HĐQT trong năm, để báo cáo ĐHĐCĐ thường niên và công bố trong các báo cáo tình hình quản trị, báo cáo thường niên của Công ty.

NGUYÊN TẮC 6: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HOÁ ĐẠO ĐỨC CÔNG TY

6.1. Nafoods Group đã xây dựng và ban hành Bộ Quy tắc ứng xử vào năm 2016 nhằm nâng cao nhận thức, tạo nên các giá trị văn hóa chung trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Trong đó đặt ra các nguyên tắc ứng xử trong môi trường làm việc, trong kinh doanh; xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ với đối tác và khách hàng; bảo vệ thông tin và tài sản; trách nhiệm xã hội; và lãnh đạo bằng sự liêm chính. Bộ Quy tắc ứng xử được truyền thông và phổ biến, đặc biệt ngay trong quá trình đào tạo hội nhập để các CBCNV nắm rõ và nâng cao nhận thức.

6.2. Tại Nafoods Group, HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của công ty, và việc mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của công ty. HĐQT luôn là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty.

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

NGUYÊN TẮC 7: THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH

7.1. HĐQT đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được Ban Điều hành và HĐQT xem xét tới yếu tố rủi ro có liên quan.

7.2. HĐQT cũng đã thành lập chức năng kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Đồng thời, ban hành quy chế quy định nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro cũng như trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc thiết lập, vận hành và đảm bảo việc hoạt động thông suốt của hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro trong Công ty, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố rủi ro, có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu, giảm thiểu rủi ro và chống tái diễn, giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch trong ngắn, dài hạn và mục tiêu phát triển bền vững.

7.3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT đã thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm



toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

NGUYÊN TẮC 8: TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

8.1. Công ty luôn tuân thủ công bố thông tin đến tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan trên nguyên tắc chủ động, công bằng, minh bạch và kịp thời theo quy định.

8.2. Ngoài việc CBTT theo quy định trên cổng CBTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TPHCM, Website của Công ty hiện là kênh thông tin chính thức để Công ty CBTT chủ động, công bằng, minh bạch và kịp thời đến cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

8.3. Các thông tin phi tài chính, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội được Công ty CBTT đầy đủ trong Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty. Các chính sách liên quan đến môi trường và xã hội cũng được Công ty công bố trên website.

8.4. Công ty cũng thực hiện công bố đầy đủ các thông tin về lương, thù lao của HĐQT và Ban điều hành trong Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

NGUYÊN TẮC 9: THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

9.1. Quyền của cổ đông được quy định rõ trong Điều lệ của Công ty và được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Công ty đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời.

9.2. HĐQT Công ty luôn tuân thủ việc tổ chức ĐHĐCĐ, CBTT thư mời, tài liệu họp, biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ đúng quy trình, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

9.3. Điều lệ Công ty quy định trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. HĐQT Công ty cũng đã xây dựng và thông qua ma trận thẩm quyền phê duyệt các giao dịch với các bên liên quan, bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.

Trong năm 2022, các giao dịch kinh doanh giữa Nafoods Group với các bên liên quan (chủ yếu là các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống) được trình bày tại trang 148-149, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.



QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

NGUYÊN TẮC 10: TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Nafoods Group luôn tôn trọng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan, các bên chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của công ty. Nafoods Group cam kết tham gia tích cực vào cộng đồng và gắn kết với các bên liên quan, từ chia sẻ thông tin và tham vấn, đến tham gia, đàm phán và quan hệ đối tác để đảm bảo rằng: Thông tin về Môi trường và Xã hội (E&S) có liên quan được tiết lộ và phổ biến; Các khiếu nại từ các bên liên quan bên trong và bên ngoài được phản hồi và quản lý một cách thích hợp thông qua quy trình trao đổi thông tin và giải quyết khiếu nại.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Mã cổ phiếu	NAF
Mệnh giá	10,000 đồng/ cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022)	50,564,090 cổ phiếu phổ thông 12,358,933 cổ phiếu ưu đãi 62 cổ phiếu quỹ
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	100%



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI (ESG)

05

Tầm nhìn bền vững

Báo cáo tác động môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Trách nhiệm với cộng đồng



TẦM NHÌN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU XÃ HỘI

Nafoods chú trọng đảm bảo hoạt động kinh doanh không gây tổn hại cho xã hội và cộng đồng bằng việc cung cấp các sản phẩm an toàn, đồng thời luôn xem xét những ảnh hưởng đến môi trường và xã hội để kịp thời triển khai các giải pháp quản lý và kiểm soát rủi ro. Ở Nafoods, chúng tôi đang từng bước áp dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất: tăng cường chuyển hóa chất thải thành đầu vào cho sản xuất theo chu trình tự nhiên, góp phần tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu. Không dừng ở đó, chúng tôi cũng tích cực thực hiện các chương trình phát triển cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của địa phương và cộng đồng.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động luôn được xem là trụ cột quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods, vì thế, chúng tôi luôn tôn trọng, thúc đẩy quyền con người, chủ động ngăn ngừa bất kỳ hình thức lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử và quấy rối, cũng như các điều kiện lao động không an toàn. Hiện nay, Nafoods đã và đang hoàn thiện và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, tạo cơ sở vững chắc, văn minh, đảm bảo mọi quyền lợi của người lao động trong công ty.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Khách hàng là người quyết định sự thành công của Nafoods, vì vậy, hoạt động kinh doanh của chúng tôi luôn lấy khách hàng làm trung tâm. Các sản phẩm được sản xuất bởi Nafoods luôn hướng đến sự an toàn và lợi ích sức khỏe cho khách hàng. Chúng tôi cam kết cung cấp thông tin đầy đủ và trung thực tới khách hàng, đồng thời luôn lắng nghe và đảm bảo sự tham gia của khách hàng trong chuỗi giá trị từ trồng trọt, thu hoạch, chế biến, bảo quản và phân phối.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Phát triển toàn diện là mục tiêu trọng yếu và lâu dài của Nafoods. Chúng tôi luôn duy trì sự chuyên nghiệp và minh bạch thông tin trong mối quan hệ với các cổ đông. Quản trị doanh nghiệp chung được áp dụng cho hoạt động của Hội đồng quản trị để mang đến niềm tin và bảo vệ lợi ích cho các cổ đông.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

TỔNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG) TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

Xét về phát thải khí nhà kính phạm vi 1 và phạm vi 2, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nafoods đã phát thải khoảng 15,837 tấn CO₂ trong năm 2022, gồm 7,194 tấn phát thải trực tiếp (phạm vi 1) và 8,643 tấn phát thải gián tiếp (phạm vi 2). Lượng phát thải khí nhà kính đến từ các cơ sở của chúng tôi bao gồm nhà máy Naprod, Nasoco và các địa điểm khác, trong đó Nasoco là phát thải lớn nhất.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Để giảm phát thải khí nhà kính, chúng tôi đã và đang triển khai nhiều sáng kiến khác nhau: than được thay thế hoàn toàn bằng sinh khối (mùn cưa và hạt chanh leo) trong vận hành lò hơi, triển khai các chương trình nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, thu gom và xử lý nước thải,... Ngoài ra, chúng tôi cũng thực hiện các biện pháp loại bỏ cacbon bằng việc tích cực trồng và duy trì mảng xanh tại các vùng hoạt động của chúng tôi.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất, chúng tôi đã sử dụng khoảng 32,466.5 tấn nguyên, vật liệu trong năm 2022. Trong đó, nguyên liệu thô có nguồn gốc từ trái cây chiếm tỷ lệ tuyệt đối trong cơ cấu sử dụng.

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính:

Do đặc thù ngành nông nghiệp thực phẩm, nguyên vật liệu là trái cây, tức nguyên vật liệu tái tạo được sử dụng chủ yếu, chiếm hơn 70%. Do đó, nguyên vật liệu tái chế sử dụng là tương đối thấp hoặc không đáng kể khi so sánh với các ngành công nghiệp khác.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Trong năm 2022, lượng điện tiêu thụ là 11,416,296 kWh. Trong đó, 100% là điện lưới được cung cấp bởi EVN và các công ty thành viên. Bên cạnh điện năng, các nhiên liệu khác cũng được sử dụng như xăng, dầu diesel và sinh khối (mùn cưa, hạt chanh leo) cho các hoạt động phát điện, giao thông, ngoài giao thông và vận hành nồi hơi tại các cơ sở sản xuất. Theo đó, tổng năng lượng sử dụng trực tiếp khoảng 30.72 TJ, cụ thể như sau:



Điện
11,416,296
Kwh



Xăng
607
Lít



DO
21,936
Lít



Sinh khối
3,222.4
Tấn



LPG
9,690
kg

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

So với năm 2021, tổng lượng điện tiêu thụ của năm 2022 tăng 686,761 kWh; tuy nhiên, xét về lượng điện tiêu thụ cho mỗi đơn vị sản phẩm, chúng tôi đã giảm khoảng 22.45% lượng điện tiêu thụ (từ 0.87 kWh/ kg sản phẩm xuống 0.67 kWh/ kg sản phẩm). Để đạt được kết quả trên, chúng tôi đã tích cực triển khai các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, ví dụ: thay thế thiết bị chiếu sáng hiệu năng cao, tích cực sử dụng ánh sáng tự nhiên, cải thiện hiệu quả năng lượng của máy móc, thiết bị,... Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để tăng cường hiệu quả năng lượng và hướng tới gia tăng tỷ lệ điện tái tạo trong cơ cấu sử dụng điện của mình.

TIÊU THỤ NƯỚC: (MỨC TIÊU THỤ NƯỚC CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nafoods đã khai thác và sử dụng khoảng 327,814 m³ nước trong năm 2022, trong đó, lần lượt là 210,554 m³ nước mặt và 114,000 m³ nước dưới lòng đất, còn lại 3,260m³ được mua từ nguồn cung cấp nước sạch của địa phương. So với năm 2021, về cơ bản, lượng nước sử dụng được giữ nguyên, dù có thêm cơ sở sản xuất mới ở tỉnh Gia Lai đi vào hoạt động dẫn tới gia tăng sản lượng sản xuất. Vậy nên, có thể nói rằng hiệu quả sử dụng nước của chúng tôi đã tăng.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Do đặc thù của sản xuất thực phẩm và quy định tài nguyên nước hiện hành, chúng tôi chỉ tái sử dụng nước thải đã xử lý chủ yếu để rửa đường, bể mặt; do đó, tỷ lệ tái sử dụng nước hàng năm của chúng tôi thấp hơn 10%.





TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Về việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chúng tôi đã thực hiện tốt các yêu cầu theo quy định pháp luật hiện hành và không có bất cứ vi phạm nào được phát hiện hay xử phạt bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho năm tài chính này.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Hiện nay, tổng số lao động của Nafoods là 1171 người và phân bố ở các cơ sở khác nhau của chúng tôi, trong đó có 785 người tham gia sản xuất trực tiếp và 386 người thuộc khối nghiệp vụ chức năng. Đặc biệt hơn, chúng tôi đã và đang đảm bảo sự tham gia và hoà nhập của nữ giới vào lực lượng lao động với tỉ lệ lên tới trên 64%.

Về chế độ lương và phúc lợi dành cho người lao động, Nafoods luôn đảm bảo mức lương tối thiểu theo quy định và hướng tới mức lương tử tế, theo đó, mức lương bình quân hàng tháng của người lao động là 10,650,000 đồng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chúng tôi đã tuân thủ tốt Bộ Luật Lao động và Luật An toàn, Vệ sinh Lao động, gồm có chế độ bảo hiểm xã hội cho công nhân, cung cấp các khóa huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động, huấn luyện và dẫn tập về PCCC, khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Năm 2022 không ghi nhận bất cứ sự cố, tai nạn lao động và thương tích nghề nghiệp nào trong tổng số 1,701,082 giờ làm việc. Bên cạnh đó, bữa ăn giữa ca, nước uống và các cơ sở tiện ích khác được cung cấp đầy đủ tại nơi làm việc theo quy định. Song song với đó, các sự kiện thể thao, teambuilding và kỷ niệm nội bộ cũng được tổ chức giúp cho người lao động khôi phục sức khỏe và tinh thần, tăng gắn kết nội bộ.

Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
- Trong năm 2022 vừa qua, Nafoods đã cung cấp nhiều khoá đào tạo khác nhau cho nhân viên, theo đó, có khoảng 737 lượt nhân viên đã tham gia đào tạo, tương ứng với gần 5,000 giờ/năm. Hoạt động đào tạo của chúng tôi được tổ chức cho nhân viên và cấp quản lý, giúp họ nâng cao kỹ năng quản lý và thăng tiến trên lộ trình sự nghiệp.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Khuyến khích học tập liên tục và tạo cơ hội học hỏi và phát triển đối với nhân viên là chính sách nội bộ quan trọng của Nafoods. Trong năm 2022, chúng tôi đã cung cấp 11 khoá học khác nhau nhằm nâng cao hiểu biết và cải thiện kỹ năng công việc. Bên cạnh



đó, các khoá đào tạo tại chỗ cũng được triển khai ở nhiều địa điểm khác nhau được quản lý bởi Nafoods. Các khoá học nội bộ này giúp người lao động đạt hiệu quả cao hơn trong công việc và sự nghiệp từng bước phát triển hơn nữa.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Hỗ trợ và đóng góp cho cộng đồng là một phần không thể thiếu trong chính sách môi trường và xã hội của chúng tôi, vì lẽ đó Nafoods luôn tích cực triển khai nhiều chương trình phát triển cộng đồng tại các vùng hoạt động, như tặng quà trung thu cho trẻ em, các gói quà học tập dành cho học sinh, hỗ trợ nông dân tiêu thụ vải thiều,...

Tổng giá trị của các chương trình hỗ trợ cộng đồng này trong năm 2022 là hơn 1.5 tỷ đồng. Các chương trình phát triển cộng đồng là một phần quan trọng trong mục tiêu hoạt động của Nafoods và sẽ tiếp tục được triển khai trong những năm tới đây.



Nafoods tổ chức đêm hội trung thu “Vàng trắng yêu thương” cho trẻ em nghèo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nafoods Group ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2022
Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022
Bà Điền Thị Lan Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch Thường trực	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2023
Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	-
Ông Johan De Geer	Thành viên	-
Ông Phạm Duy Thái	Thành viên	-
Ông Johan Nyvene	Thành viên	-

Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	
Bà Diệp Thị Mỹ Hảo	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022

Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	
Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022
Ông Johan Nyvene	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022
Ông Johan Nyvene	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022
Bà Phan Thị Minh Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2023

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;



- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Tập đoàn hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023



Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam
T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số: 22-11-006-04

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nafoods Group

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nafoods Group ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh giải trình khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



Lê Thế Việt

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0821-2023-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Lê Quảng Hòa

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2587-2023-068-1
Kiểm toán viên



Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	1.166.762.878.120	1.029.319.761.677
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	54.000.537.646	51.698.311.511
Tiền		111	14.753.483.653	6.267.076.248
Các khoản tương đương tiền		112	39.247.053.993	45.431.235.263
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	12.471.419.160	200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	123	12.471.419.160	200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	907.844.832.919	792.511.000.193
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	400.143.858.643	486.929.400.742
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	116.215.944.192	108.701.431.641
Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	135	39.509.158.772	52.738.495.176
Phải thu ngắn hạn khác	10	136	383.639.751.700	160.412.237.854
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	137	(31.711.865.459)	(16.318.550.291)
Tài sản thiếu chờ xử lý		139	47.985.071	47.985.071
Hàng tồn kho	12	140	157.789.222.490	132.924.064.303
Hàng tồn kho		141	161.070.610.612	144.204.786.885
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(3.281.388.122)	(11.280.722.582)
Tài sản ngắn hạn khác		150	34.656.865.905	51.986.385.670
Chi phí trả trước ngắn hạn		151	6.906.172.957	8.132.393.103
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	27.434.976.220	43.781.543.297
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		153	315.716.728	72.449.270

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Tài sản dài hạn		200	576.984.988.567	624.736.726.892
Các khoản phải thu dài hạn		210	98.478.780.592	197.918.633.000
Phải thu về cho vay dài hạn	9	215	700.000.000	1.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	10	216	97.778.780.592	196.918.633.000
Tài sản cố định		220	418.139.091.819	363.979.434.837
Tài sản cố định hữu hình	14	221	335.105.407.398	296.106.713.217
- Nguyên giá		222	445.709.905.733	382.707.862.617
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(110.604.498.335)	(86.601.149.400)
Tài sản cố định thuê tài chính		224	7.402.400.000	-
- Nguyên giá		225	7.402.400.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		226	-	-
Tài sản cố định vô hình	15	227	75.631.284.421	67.872.721.620
- Nguyên giá		228	83.921.353.017	73.610.267.962
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(8.290.068.596)	(5.737.546.342)
Tài sản dở dang dài hạn		240	2.954.231.368	12.669.203.842
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	242	2.954.231.368	12.669.203.842
Đầu tư tài chính dài hạn	6	250	21.017.387.750	22.792.137.184
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	19.017.387.750	19.792.137.184
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	3.100.000.000	3.100.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254	(3.100.000.000)	(3.100.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	2.000.000.000	3.000.000.000
Tài sản dài hạn khác		260	36.395.497.038	27.377.318.029
Chi phí trả trước dài hạn	13	261	36.182.080.719	26.950.485.392
Lợi thế thương mại		269	213.416.319	426.832.637
Tổng tài sản		270	1.743.747.866.687	1.654.056.488.569



Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	851.560.032.938	817.658.652.169
Nợ ngắn hạn		310	772.283.083.192	700.840.862.341
Phải trả người bán ngắn hạn	17	311	126.340.052.299	185.730.811.031
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	312	23.651.269.194	19.180.587.140
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	313	13.576.047.218	13.626.576.420
Phải trả người lao động		314	12.704.372.995	7.470.765.243
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	6.960.976.504	8.094.714.638
Phải trả ngắn hạn khác	20	319	4.092.384.633	13.768.740.878
Vay ngắn hạn	21	320	578.489.179.461	449.748.066.222
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	322	6.468.800.888	3.220.600.769
Nợ dài hạn		330	79.276.949.746	116.817.789.828
Vay dài hạn	21	338	74.852.234.181	114.875.173.659
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	4.424.715.565	1.942.616.169
Vốn chủ sở hữu		400	892.187.833.749	836.397.836.400
Vốn chủ sở hữu		410	891.447.242.065	835.665.091.815
Vốn góp của chủ sở hữu	23,24	411	629.230.850.000	629.230.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	505.641.520.000	505.641.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b	123.589.330.000	123.589.330.000
Thặng dư vốn cổ phần		412	67.230.677.157	67.230.677.157
Cổ phiếu quỹ	23	415	(620.000)	(620.000)
Quỹ đầu tư phát triển	23	418	59.112.663.024	38.781.277.104
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23	421	135.873.671.884	100.422.907.554
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a	56.160.526.674	22.930.608.722
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	79.713.145.210	77.492.298.832
Nguồn kinh phí và quỹ khác		430	740.591.684	732.744.585
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	439	740.591.684	732.744.585
Tổng nguồn vốn		440	1.743.747.866.687	1.654.056.488.569

Nghe An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Phan Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	01	1.817.811.173.255	1.629.278.864.172
Các khoản giảm trừ doanh thu	27	02	(51.303.897.631)	(14.625.542.147)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	1.766.507.275.624	1.614.653.322.025
Giá vốn hàng bán	28	11	1.390.654.928.059	1.323.189.588.285
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	375.852.347.565	291.463.733.740
Doanh thu hoạt động tài chính	29	21	28.727.256.646	24.258.058.281
Chi phí tài chính	30	22	49.004.941.430	42.199.156.825
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	27.401.837.116	32.071.214.049
Phần (lãi)/lãi trong công ty liên kết		24	(774.749.434)	75.028.115
Chi phí bán hàng	31	25	190.392.616.876	147.842.631.395
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	26	65.985.287.811	34.755.271.843
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	98.422.008.660	90.999.760.073
Thu nhập khác		31	6.935.048.219	4.333.717.856
Chi phí khác		32	12.430.070.066	4.910.273.995
Lỗ khác		40	(5.495.021.847)	(576.556.139)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34	50	92.926.986.813	90.423.203.934
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	51	10.602.787.743	12.622.108.860
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52	2.482.099.396	195.898.600
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60	79.842.099.674	77.605.196.474
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		61	79.713.145.210	77.492.298.832
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		62	128.954.464	112.897.642
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	70	1.576	690

Nghe An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Phan Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế		01	92.926.986.813	90.423.203.934
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định		02	29.206.364.805	26.844.308.977
Thay đổi các khoản dự phòng		03	7.393.980.708	11.913.062.607
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	2.053.963.101	3.349.053.931
Lãi từ hoạt động đầu tư và thanh lý tài sản cố định		05	(1.641.060.422)	(6.097.193.509)
Chi phí lãi vay		06	27.401.837.116	32.071.214.049
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	157.342.072.121	158.503.649.989
Thay đổi các khoản phải thu		09	(29.713.989.396)	(30.520.687.338)
Thay đổi hàng tồn kho		10	(16.865.823.727)	33.378.113.173
Thay đổi các khoản phải trả		11	(63.270.331.580)	1.121.725.215
Thay đổi chi phí trả trước		12	(8.005.375.181)	(1.096.033.367)
Tiền lãi vay đã trả		14	(27.376.417.637)	(32.480.394.615)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(2.509.969.176)	(5.488.900.117)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		17	(7.342.728.553)	(15.526.420.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	2.257.436.871	107.891.052.320



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(tiếp theo)

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		21	(84.269.016.308)	(103.948.136.951)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22	17.414.406.000	906.500.000
Tiền chi cho đơn vị khác vay		23	(16.193.419.160)	(146.575.346.878)
Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác		24	18.451.336.404	80.397.674.940
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26	-	24.291.300.000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay nhận được		27	4.453.712.634	4.725.040.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(60.142.980.430)	(140.202.968.663)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông		31	-	29.963.000.000
Tiền thu từ đi vay		33	1.412.923.737.488	1.234.334.226.467
Tiền trả nợ gốc vay		34	(1.335.275.150.038)	(1.193.724.515.127)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính		35	(4.144.006.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(13.415.040.000)	(13.415.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	60.089.541.450	57.157.671.340
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50	2.203.997.891	24.845.754.997
Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	60	51.698.311.511	26.853.240.725
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		61	98.228.244	(684.211)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	70	54.000.537.646	51.698.311.511

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốcPhan Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập



Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam, ban đầu với tên gọi là Công ty TNHH Thành Vinh do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn số 007153 GP/TLDN-02 vào ngày 26 tháng 8 năm 1995. Sau đó ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900326375 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An với tên gọi là Công ty Cổ phần Thực phẩm Choa Việt. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được thay đổi nhiều lần sau đó (sau đây gọi chung là “Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp”).

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 12 năm 2014, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nafoods Group và tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900326375, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 6 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 567.988.450.000 đồng, được chia thành 56.798.845 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 567.988.450.000 đồng lên 577.047.950.000 đồng do đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 3 năm 2020 thông qua phương án triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Ngày 4 tháng 8 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.221.990 cổ phiếu với tổng trị giá phát hành theo mệnh giá là 22.219.900.000 đồng theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty. Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 6 năm 2020 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để tăng vốn điều lệ từ 567.988.450.000 đồng lên 599.267.850.000 đồng.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để tăng vốn điều lệ từ 599.267.850.000 đồng lên 629.230.850.000 đồng.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh, trái cây tươi, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.



Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với thông tin như sau:

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Nafoods Group;
- Mã chứng khoán: NAF;
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu đăng ký
Công ty con			
Công ty CP Chanh leo Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Trồng trọt, sản xuất giống cây trồng	99,8%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng	100%
Công ty CP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	99,8%
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	Thôn Gò Đồi, đường Bùi Viện, Xã An Phú, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất giống cây trồng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt	99,86%
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16, Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm giá trị gia tăng	99%
Công ty liên kết			
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Cụm Công nghiệp Mộc Châu, tiểu khu Bó Bun, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu sản phẩm rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng và các loại sản phẩm nước ép hoa quả	35%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có 905 nhân viên (31 tháng 12 năm 2021: 636 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VND”).

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

3.1 Cơ sở chung lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.



Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp. Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

3.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty và các báo cáo tài chính của các công ty con (như được trình bày trong Thuyết minh số 1).

3.3 Các công ty con

Công ty con là các công ty mà Tập đoàn có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Tập đoàn từ hoạt động của các công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của các công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỉ lệ tương ứng với lợi ích mà Tập đoàn không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông thiểu số đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ được tính cho cổ đông thiểu số trong công ty con vượt quá lợi ích của cổ đông thiểu số trong nguồn vốn của công ty con. Trong trường hợp đó khoản lỗ vượt quá đó cũng như bất kỳ các khoản lỗ thêm nào khác sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp cổ đông thiểu số có một nghĩa vụ ràng buộc, và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi tính cho cổ đông thiểu số sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới khi bồi hoàn lại đủ phần lỗ trước đây đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Tập đoàn. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con.

Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

3.4 Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, thường đi kèm với tỷ lệ sở hữu từ 20% đến 50% của quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh của công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của Tập đoàn vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên kết nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư.



Việc thay đổi quyền sở hữu trong công ty liên kết dẫn đến việc mất đi quyền ảnh hưởng đáng kể được coi là một giao dịch thanh lý đầu tư vào công ty liên kết. Phần sở hữu còn lại của khoản đầu tư này được hạch toán theo giá gốc tại ngày mất đi quyền ảnh hưởng.

3.5 Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng mà ngân hàng buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Một liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng mà hai hoặc nhiều bên cùng thực hiện hoạt động kinh tế mà được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó hạch toán toàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

**Dự phòng giảm giá khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

4.5 Các khoản phải thu***Phải thu thương mại và phải thu khác***

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay cho mục đích thu lãi tiền vay được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi, bao gồm gốc cho vay trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với thời gian khấu hao như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Tài sản cố định khác	23



Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí san lấp mặt bằng. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 6 năm.

4.9 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

4.10 Tài sản dở dang dài hạn***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.11 Chi phí trả trước***Công cụ, dụng cụ***

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Tập đoàn nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 1 năm đến 3 năm.

Phí tư vấn và phí luật sư

Chi phí tư vấn và phí luật sư phát sinh liên quan đến thỏa thuận vay vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng vay từ 6 năm đến 7 năm.

Chi phí khai hoang, đền bù đất

Chi phí khai hoang, đền bù đất phát sinh liên quan đến việc cải tạo, khai hoang vùng đất nguyên liệu tại Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An và các chi phí liên quan đến việc mua đất nhưng chưa đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 - 49 năm.

Chi phí chuyển giao công nghệ

Chi phí chuyển giao công nghệ thể hiện khoản tư vấn chuyển giao công nghệ nhân giống chanh leo, đào tạo chuyển giao kỹ thuật phát hiện kiểm soát virus trên cây chanh leo, cung cấp cây giống bố mẹ, tư vấn thiết lập vườn ươm giống chanh leo được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 - 49 năm.

4.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Tài sản là lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 5 năm.



Lợi thế thương mại âm (phát sinh khi phần sở hữu của Tập đoàn trên giá trị hợp lý của tài sản thuần vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh) được ghi nhận trực tiếp như một khoản lãi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày mua.

Lãi, lỗ thanh lý công ty con bao gồm cả phần xóa sổ lợi thế thương mại còn lại tại ngày bán.

4.13 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.16 Lợi ích nhân viên

Tập đoàn không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi nào cho người lao động ngoại trừ các khoản phúc lợi bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành về lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Tập đoàn chi trả phần nghĩa vụ của mình về các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt đối tượng tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ.

Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kê khai và chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan.

4.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

4.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động và đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

4.19 Cổ tức

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.



4.20 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

4.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.22 Lãi/lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi/lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.23 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các công ty liên kết của Tập đoàn.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.



4.24 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.25 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.26 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.27 Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của bảng cân đối kế toán, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.28 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Tiền		
Tiền mặt	64.722.416	184.263.898
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.688.761.237	6.082.812.350
	14.753.483.653	6.267.076.248
Các khoản tương đương tiền		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh (i)	16.684.739.909	16.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (ii)	16.662.314.084	29.431.235.263
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (iii)	5.900.000.000	-
	39.247.053.993	45.431.235.263
	54.000.537.646	51.698.311.511

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh với lãi suất 5,5%/năm, đáo hạn vào tháng 1 năm 2023. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Thuyết minh 21).

(ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank với lãi suất từ 3,5% đến 5,5%/năm, đáo hạn vào tháng 3 năm 2023. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank (Thuyết minh 21).

(iii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An, với lãi suất 3,3% - 4,6%/năm, đáo hạn vào tháng 3 năm 2023.



6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
			(Phân loại lại)	(Phân loại lại)
Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng (i)	12.471.419.160	12.471.419.160	200.000.000	200.000.000
	12.471.419.160	12.471.419.160	200.000.000	200.000.000
Dài hạn				
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
	14.471.419.160	14.471.419.160	3.200.000.000	3.200.000.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất 5,5%/năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Thuyết minh 21).

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank Việt Nam với lãi suất từ 4,7% đến 7%/năm, đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2023.

(ii) Khoản đầu tư trái phiếu vào ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank"), chi tiết như sau: 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VNĐ với lãi suất thả nổi, phát hành vào ngày 29 tháng 6 năm 2018 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2028. Khoản trái phiếu này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Thuyết minh 21).

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết từng khoản đầu tư theo tỷ lệ nắm giữ và tỷ lệ biểu quyết như sau:

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VNĐ	%	VNĐ	%
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	50.000.000.000	35	35	35
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	62.000.000.000	5	5	5

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư thực góp như sau:

	31 tháng 12 năm 2022			31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Lãi/(lỗ) phát sinh	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Lãi/(lỗ) phát sinh
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	17.500.000.000	19.017.387.750	1.517.387.750	17.500.000.000	19.792.137.184	2.292.137.184
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	3.100.000.000	(3.100.000.000)	-	3.100.000.000	(3.100.000.000)	-
	3.100.000.000	(3.100.000.000)	-	3.100.000.000	(3.100.000.000)	-



7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải thu bên thứ ba		
Công ty Profi Line Plus LLC	73.697.741.092	188.109.530.378
Công ty Hiwa Rotterdam Port Cold Stores	-	41.818.711.680
Công ty Flagfood Ag	117.676.862.446	40.718.872.020
Các khách hàng khác	187.437.009.909	201.279.014.572
	378.811.613.447	471.926.128.650
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	6.403.741.504	8.252.720.904
Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương	-	3.395.823.581
Công ty CP Kingfoods	342.265.585	-
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	14.586.238.107	3.354.727.607
	21.332.245.196	15.003.272.092
	400.143.858.643	486.929.400.742

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Trả trước cho bên thứ ba		
Công ty TNHH Nghiên cứu & Phát triển Công nghệ Sinh học và Hội tụ	17.079.451.001	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Anh Đức	390.504.830	8.129.887.372
Công ty CP Thực phẩm Bảo Long	-	3.497.865.501
Công ty ABL SPA	2.032.066.008	2.032.066.008
Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech (i)	21.941.474.535	28.330.000.000
Công ty ECOM Agrottrade Limited	-	7.162.272.879
Các đối tượng khác	14.177.298.315	7.393.309.941
	55.620.794.689	56.545.401.701
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An (ii)	14.539.720.391	47.546.919.814
Công ty CP Kingfoods (iii)	46.055.429.112	-
Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương	-	928.792.012
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	-	3.680.318.114
	60.595.149.503	52.156.029.940
	116.215.944.192	108.701.431.641

- (i) Khoản trả trước cho công ty CP Dịch Vụ Công nghệ Natech theo Hợp đồng số 01/HDDV/NT-NFG ngày 1 tháng 11 năm 2020 để được cung cấp dịch vụ xây dựng hệ thống công nghệ thông tin cho Công ty CP Nafoods Group và các Công ty trong Tập đoàn.
- (ii) Thể hiện số dư khoản trả trước Công ty CP Thực phẩm Nghệ An theo Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư số 01/HĐCN/QT-TPNA giữa Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods. Trong năm 2022, theo Quyết định số 119/2022/QĐ-CTHĐQT ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Group thông qua việc chấm dứt thực hiện Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng Dự án đầu tư số 01/HĐCN/QT-TPNA.
- (iii) Khoản trả trước giữa Công ty CP Nafoods Group và Công ty CP Kingfoods theo Hợp đồng nguyên tắc số 10/2022/HĐMB/KF-NFG nhằm mục đích mua bán sản phẩm trái cây sấy dẻo.



9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Ngắn hạn		
Phải thu bên thứ ba		
Các đối tượng khác	457.500.000	8.000.000.000
	457.500.000	8.000.000.000
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An (i)	12.690.099.378	18.290.099.378
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings (ii)	26.361.559.394	26.361.559.394
Công ty CP Anacardium Foods	-	86.836.404
	39.051.658.772	44.738.495.176
	39.509.158.772	52.738.495.176
Dài hạn		
Hoàng Văn Thành	700.000.000	1.000.000.000
	40.209.158.772	53.738.495.176

- (i) Các khoản phải thu từ việc cho các bên liên quan vay, không có tài sản đảm bảo và có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng, lãi suất quy định theo hợp đồng cho vay.
- (ii) Khoản phải thu từ việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings vay có lãi suất 7,5% năm, không có tài sản đảm bảo và có thời hạn thanh toán trong năm 2023.

10. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ (Phân loại lại)
Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn bên thứ ba		
Phải thu từ lãi trả chậm	8.640.109.387	9.496.215.655
Phải thu lãi tiền gửi	2.043.352.174	1.531.305.869
Tạm ứng mua cổ phần của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An (i)	198.775.100.000	-
Tạm ứng mua cổ phần của Công ty CP Nafoods Tây Bắc (ii)	56.000.000.000	-
Tạm ứng mua tài sản Dự án tại Bình Thuận (iii)	29.636.100.000	-
Hợp tác đầu tư mảng hạt điều	-	8.626.762.049
Tạm ứng nhân viên (iv)	64.483.419.015	112.721.263.910
Tạm ứng cổ tức cho IFC (v)	13.415.040.000	13.415.040.000
Khác	6.772.735.470	14.233.792.925
	379.765.856.046	160.024.380.408
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	915.115.808	341.814.497
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	2.958.779.846	-
Công ty CP Anacardium Foods	-	46.042.949
	3.873.895.654	387.857.446
	383.639.751.700	160.412.237.854
Dài hạn		
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư LMC (vi)	96.753.633.000	96.753.633.000
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Anacardium Foods (vii)	-	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Bến Tre (Becona) (viii)	-	40.000.000.000
Đặt cọc	1.025.147.592	165.000.000
	97.778.780.592	196.918.633.000
	481.418.532.292	357.330.870.854



(i) Theo định hướng chiến lược để nắm quyền kiểm soát tại các Công ty trong hệ thống chuỗi cung ứng, Tập đoàn đã ký kết Thỏa thuận ghi nhớ số 02/2022-TTGN ngày 1 tháng 12 năm 2022 với Công ty CP Thực phẩm Nghệ An ("Naprod") về việc chuyển nhượng 5,372,300 cổ phần của Naprod với tổng giá trị chuyển nhượng là 198.775.100.000 VNĐ hoặc mua lại toàn bộ tài sản của Naprod, và được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị ("HĐQT") theo Biên bản kiểm phiếu họp HĐQT số 08/BB-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2022. Số tiền này đã được tạm ứng tới các cổ đông đại diện của Naprod được Naprod ủy quyền theo Thông báo số 02/Naprod-TB ngày 3 tháng 12 năm 2022, gồm: ông Nguyễn Mạnh Hùng, bà Dương Thị Quỳnh An và bà Nguyễn Thị Lê Na, tương ứng số tiền lần lượt là: 98,3 tỷ VNĐ, 45,8 tỷ VNĐ và 54,6 tỷ VNĐ.

Khoản tạm ứng này được bảo đảm bởi số lượng cổ phiếu của ba cổ đông nêu trên nắm giữ tại Naprod theo các Thỏa thuận bảo lãnh giữa các cá nhân và Công ty. Các bên đang trong quá trình thương thảo, phê duyệt để hoàn tất nghiệp vụ với thời gian dự kiến là ngày 30 tháng 6 năm 2023 (xem thêm Thuyết minh 40).

(ii) Theo định hướng chiến lược để nắm quyền kiểm soát tại các Công ty trong hệ thống chuỗi cung ứng, Công ty mẹ đã ký kết Thỏa thuận ghi nhớ số 01/2022-TTGN ngày 1 tháng 12 năm 2022 với các cổ đông của Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc ("Nafoods Tây Bắc"), hai bên cùng thống nhất chuyển nhượng 2,800,000 cổ phần của Nafoods Tây Bắc với tổng giá trị chuyển nhượng 56 tỷ VNĐ và được thông qua theo Quyết định số 28/2022/QĐ-CTHĐQT ngày 9 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch HĐQT Công ty. Số tiền này đã được tạm ứng tới các cổ đông tương ứng với số cổ phần của Nafoods Tây Bắc mà các cổ đông này đang nắm giữ, gồm: ông Nguyễn Mạnh Hùng, bà Nguyễn Thị Hương và ông Nguyễn Võ Toàn, tương ứng số tiền lần lượt là: 16 tỷ VNĐ, 25 tỷ VNĐ và 15 tỷ VNĐ.

Khoản tạm ứng này được bảo đảm bởi số lượng cổ phiếu của ba cổ đông nêu trên nắm giữ tại Nafoods Tây Bắc theo các Thỏa thuận bảo lãnh giữa các cá nhân và Công ty. Các bên đang trong quá trình thương thảo, phê duyệt để hoàn tất nghiệp vụ với thời gian dự kiến là ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(iii) Khoản tạm ứng cho bà Đặng Thị Thắm – nhân viên Công ty, nhằm mục đích thực hiện công tác mua lại tài sản dự án tại Bình Thuận. Khoản tạm ứng được bảo lãnh bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc Công ty.

	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
Tạm ứng thực hiện dự án quy hoạch vùng nguyên liệu chanh leo tại Lào	22.835.323.005	33.939.016.022
Tạm ứng thực hiện dự án quy hoạch vùng nguyên liệu thanh long tại Bình Thuận	12.317.110.643	12.781.876.675
Tạm ứng chi phí thực hiện dự án Nafoods tại Tây Nguyên	141.244.080	8.633.038.330
Tạm ứng làm thủ tục đất 50 năm tại vườn ươm mới D1 tại Quế Phong	10.045.370.629	9.978.350.629
Tạm ứng thủ tục thực hiện dự án tại Mộc Châu Sơn La	6.494.379.267	40.086.747.542
Tạm ứng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh khác: Thu mua, vận chuyển, v.v..	12.649.991.391	7.302.234.712
	64.483.419.015	112.721.263.910

(v) Khoản ứng trước cổ tức cho Tổ chức International Finance Corporation, cổ đông, số tiền là 13.415.040.000 VNĐ, theo thỏa thuận ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa 2 bên.

(vi) Căn cứ Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2020/HĐHTKD/NFG-LMC ký kết ngày 1 tháng 6 năm 2020, Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) thỏa thuận góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings (Bên B) để thực hiện các dự án chung. Hợp đồng có thời hạn 5 năm và đáo hạn vào ngày 1 tháng 6 năm 2025.

Theo phụ lục 01 của Hợp đồng trên ký ngày 12 tháng 4 năm 2021, lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư (sau khi Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế với nhà nước) sẽ được hai bên cùng phân chia hàng năm theo tỷ lệ 50%-50% nhưng không thấp hơn mức 6,6%/năm dựa trên dòng tiền hợp tác đầu tư mà Bên A đã chuyển cho Bên B. Theo đó, Công ty đang ghi nhận lãi được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư là 6.095.573.392 VNĐ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Thuyết minh 29).

Theo phụ lục 02 của Hợp đồng trên ký ngày 31 tháng 12 năm 2021 và phụ lục 03 ký ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa hai bên, lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư cho giai đoạn 6 tháng cuối năm 2021 và lợi nhuận dự kiến năm 2022 từ hợp tác đầu tư (sau khi Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế với nhà nước) sẽ được hai bên cùng quyết toán, phân chia tại thời điểm cuối năm 2022 nhưng không chậm hơn ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Theo phụ lục 04 ký ngày 5 tháng 9 năm 2022, hai bên thống nhất chuyển đổi mục đích dự án, chuyển toàn bộ nguồn vốn góp hợp tác đầu tư sang để đầu tư, triển khai, vận hành Dự án "Viện nghiên cứu và Phát triển Công nghệ sinh học – Vật liệu Nano phục vụ các ngành công nghiệp. Dự án có tổng vốn đầu tư dự kiến là 573 tỷ đồng, triển khai từ năm 2022 tới năm 2029. Lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư sẽ được hai bên cùng phân chia theo



tỷ lệ góp vốn thực tế. Trong trường hợp kết quả hợp tác đầu tư bị thua lỗ, bên A có quyền ưu tiên mua lại toàn bộ Dự án với tổng chi phí không nhỏ hơn giá trị mà bên B đã góp vốn hợp tác đầu tư với bên A.

Khoản Hợp tác đầu tư đã được đảm bảo bởi giá trị vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings tại Công ty TNHH Công nghiệp dừa Liên Vĩnh Xương và bảo lãnh của ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc của Công ty.

(vii) Căn cứ các Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2021/HĐHTKD/NFG-ANACARDIUM FOODS ký kết ngày 31 tháng 5 năm 2021 và số 02/2021/HĐHTKD/NFG-ANACARDIUM FOODS ký kết ngày 17 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) thỏa thuận góp vốn cho Công ty CP Anacardium Foods (Bên B) (trước đây là Công ty CP Nông nghiệp La Giang) để thực hiện các dự án chung. Hợp đồng có thời hạn 5 năm và đáo hạn lần lượt vào ngày 31 tháng 5 năm 2026 và ngày 17 tháng 6 năm 2026. Lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư (sau khi Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế với Nhà nước) sẽ được hai bên cùng phân chia hàng năm theo tỷ lệ 50%-50%.

(viii) Căn cứ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2021/HĐHTKD/NFG-BECONA ký kết ngày 15 tháng 09 năm 2021 và 04/2021/HĐHTKD/NFG-BECONA ký kết ngày 17 tháng 9 năm 2021, Công ty Cổ phần Nafoods Group (bên A) thỏa thuận góp vốn hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Bến Tre (Becona) (bên B) để thực hiện dự án đầu tư, vận hành Dự án kinh doanh sản xuất sản phẩm dừa. Hợp đồng có thời hạn 5 năm và đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2026. Lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư (sau khi Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế với nhà nước) sẽ được hai bên cùng phân chia hàng năm theo tỷ lệ 50%-50% bằng tiền hoặc tài sản với định giá thống nhất của hai bên.

Các khoản Hợp tác đầu tư (vii) và (viii) đã được thu hồi toàn bộ số tiền hợp tác ban đầu trong năm 2022.

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Tân Tân	4.176.437.050	(4.176.437.050)	4.176.437.050	(4.176.437.050)
Đoàn Quốc Vương	4.335.000.000	(4.335.000.000)	4.335.000.000	(4.335.000.000)
Công ty TNHH Màu xanh Đổi mới	1.260.000.000	(1.260.000.000)	1.260.000.000	(1.260.000.000)
Khách lẻ mua cây giống	68.556.675.906	(21.126.974.661)	5.855.036.627	(5.733.659.493)
	78.328.112.956	(30.898.411.711)	15.626.473.677	(15.505.096.543)
Các khoản phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn				
Công ty CP Tân Tân	347.873.081	(347.873.081)	347.873.081	(347.873.081)
Công ty TNHH Màu xanh Đổi mới	400.539.000	(400.539.000)	400.539.000	(400.539.000)
Công ty CP Bánh kẹo ANCO	65.041.667	(65.041.667)	65.041.667	(65.041.667)
	813.453.748	(813.453.748)	813.453.748	(813.453.748)
	79.141.566.704	(31.711.865.459)	16.439.927.425	(16.318.550.291)

12. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi đường	-	-	9.120.117.771	-
Nguyên vật liệu	16.502.018.415	(1.046.314.944)	18.538.398.280	-
Công cụ, dụng cụ	30.364.359.428	-	7.614.006.126	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.823.800.079	-	20.804.293.934	(2.800.208.391)
Thành phẩm	41.544.411.340	(2.072.212.670)	74.456.159.798	(8.480.514.191)
Hàng hóa	11.884.521.350	(162.860.508)	5.720.310.976	-
Hàng gửi bán	7.951.500.000	-	7.951.500.000	-
	161.070.610.612	(3.281.388.122)	144.204.786.885	(11.280.722.582)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng tồn kho với giá trị tương ứng là 3.281.388.122 VNĐ (31 tháng 12 năm 2021: 18.526.846.108 VNĐ) đã được lập dự phòng toàn bộ cho hàng tồn kho giảm giá trị.



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa của Công ty với tổng giá trị thuần là 115.615.309.818 VNĐ (31 tháng 12 năm 2021: 109.847.422.702 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Phí tư vấn và phí luật sư	3.663.504.300	4.290.846.916
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.547.060.232	1.935.699.917
Chi phí khai hoang, đền bù đất	13.490.429.003	13.964.246.279
Chi phí chuyển giao công nghệ	4.561.489.537	4.682.501.473
Chi phí trả trước khác	5.919.597.647	2.077.190.807
	36.182.080.719	26.950.485.392

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
1 tháng 1 năm 2022	160.704.470.682	213.217.581.978	7.133.972.145	1.651.837.812	382.707.862.617
Mua trong năm	20.336.036.798	32.968.778.556	573.000.000	328.806.720	54.206.622.074
Chuyển từ XDCB	20.678.473.528	6.789.192.727	-	-	27.467.666.255
Thanh lý	(703.992.500)	(15.071.261.818)	(2.316.995.440)	(579.995.455)	(18.672.245.213)
31 tháng 12 năm 2022	201.014.988.508	237.904.291.443	5.389.976.705	1.400.649.077	445.709.905.733
Giá trị hao mòn lũy kế					
1 tháng 1 năm 2022	(33.521.270.065)	(49.891.202.637)	(2.583.306.500)	(605.370.198)	(86.601.149.400)
Khấu hao trong năm	(8.904.132.407)	(16.649.561.158)	(612.181.871)	(172.345.051)	(26.338.220.487)
Thanh lý	9.336.100	1.426.055.889	853.848.981	45.630.582	2.334.871.552
31 tháng 12 năm 2022	(42.416.066.372)	(65.114.707.906)	(2.341.639.390)	(732.084.667)	(110.604.498.335)
Giá trị còn lại					
1 tháng 1 năm 2022	127.183.200.617	163.326.379.341	4.550.665.645	1.046.467.614	296.106.713.217
31 tháng 12 năm 2022	158.598.922.136	172.789.583.537	3.048.337.315	668.564.410	335.105.407.398

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có một số tài sản với nguyên giá là 1.000.756.563 VNĐ (31 tháng 12 năm 2021: 961.088.381 VNĐ) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 261.129.107.583 VNĐ (31 tháng 12 năm 2021: 256.625.128.516 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).



15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tài sản cố định vô hình khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
1 tháng 1 năm 2022	3.966.714.545	69.074.053.417	569.500.000	73.610.267.962
Tăng trong năm	11.162.799.600	-	-	11.162.799.600
Thanh lý	(851.714.545)	-	-	(851.714.545)
31 tháng 12 năm 2022	14.277.799.600	69.074.053.417	569.500.000	83.921.353.017
Giá trị hao mòn lũy kế				
1 tháng 1 năm 2022	(217.205.746)	(5.064.740.580)	(455.600.016)	(5.737.546.342)
Khấu hao trong năm	(1.178.315.394)	(1.381.495.956)	(94.916.650)	(2.654.728.000)
Thanh lý	102.205.746	-	-	102.205.746
31 tháng 12 năm 2022	(1.293.315.394)	(6.446.236.536)	(550.516.666)	(8.290.068.596)
Giá trị còn lại				
1 tháng 1 năm 2022	3.749.508.799	64.009.312.837	113.899.984	67.872.721.620
31 tháng 12 năm 2022	12.984.484.206	62.627.816.881	18.983.334	75.631.284.421

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có một số tài sản với nguyên giá là 115.000.000 VNĐ (31 tháng 12 năm 2021: 115.000.000 VNĐ) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 62.627.816.881 VNĐ (31 tháng 12 năm 2021: 64.009.312.837 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
1 tháng 1 năm 2022	12.669.203.842	31.160.396.450
Mua trong năm	25.499.815.553	4.950.188.640
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(211.695.454)	(91.318.287)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(27.467.666.255)	(23.206.254.209)
Chuyển nhượng dự án	(7.535.426.318)	-
Giảm khác	-	(143.808.752)
31 tháng 12 năm 2022	2.954.231.368	12.669.203.842
Trong đó:		
Dự án Nhà máy Nafoods Tây Nguyên: Giai đoạn 1	927.793.516	4.745.529.498
Dự án triển khai ERP	-	7.393.967.980
Dự án khác	2.026.437.852	529.706.364
	2.954.231.368	12.669.203.842



17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải trả cho bên thứ ba		
Đối tượng khác	124.656.457.241	107.478.751.535
	124.656.457.241	107.478.751.535
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	16.687.682	-
Công ty CP Kingfoods	-	73.570.259.496
Công ty TNHH Nghiên cứu & Phát triển Công nghệ Sinh học và Hội tụ	-	4.681.800.000
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	1.666.907.376	-
	1.683.595.058	78.252.059.496
	126.340.052.299	185.730.811.031

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Trả trước từ bên thứ ba		
Công ty CP Thực phẩm Sữa TH (i)	10.147.110.000	10.147.110.000
Zhejiang Qiding Import And Export Co Ltd	3.662.164.025	-
Sarl Negomax	1.575.074.757	-
Khác	8.266.920.412	9.033.477.140
	23.651.269.194	19.180.587.140

- (i) Số dư thể hiện khoản trả trước của Công ty CP Thực phẩm Sữa TH (Bên B) cho Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) theo các Hợp đồng chuyển nhượng Dự án đầu tư "Phát triển 140 ha gác lại đến thương phẩm" tại xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký ngày 8 tháng 10 năm 2019 và ngày 19 tháng 11 năm 2021. Dự án đang trong quá trình hoàn thiện các giấy tờ chuyển giao quyền sở hữu.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2022	Trong năm	31 tháng 12 năm 2021
	Giá trị VNĐ	Phải trả Thanh toán/Cần trừ VNĐ	Giá trị VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	3.274.148.345	4.465.796.917 (1.200.290.837)	8.642.265
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.340.208.994	9.543.056.633 (11.891.880.756)	11.689.033.117
Thuế thu nhập cá nhân	626.214.939	2.610.699.246 (2.378.230.525)	393.746.218
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	284.757.515 (387.813.419)	103.055.904
Các loại thuế khác	335.474.940	348.859.753 (1.445.483.729)	1.432.098.916
	13.576.047.218	17.253.170.064 (17.303.699.266)	13.626.576.420

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải trả cổ tức	308.047.270	275.366.592
Công ty CP Kingfoods	1.605.780	6.754.813.780
Khác	3.782.731.583	6.738.560.506
	4.092.384.633	13.768.740.878

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

21. Vay
Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn	31 tháng 12 năm 2022		Trong kỳ		31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (i)	217.990.085.170	217.990.085.170	694.765.584.758	670.099.842.503	193.324.342.915	193.324.342.915
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (ii)	120.857.971.791	120.857.971.791	341.632.838.246	311.400.836.549	90.625.970.094	90.625.970.094
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh (iii)	-	-	1.374.970	4.466.030.530	4.464.655.560	4.464.655.560
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (iv)	46.289.494.871	46.289.494.871	180.262.555.715	212.088.284.229	78.115.223.385	78.115.223.385
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nghệ An (v)	45.486.292.790	45.486.292.790	110.155.594.650	86.353.372.350	21.684.070.490	21.684.070.490
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam- CN HCM (ix)	24.579.580.807	24.579.580.807	24.408.806.882	(170.773.925)	-	-
Ngân hàng đại chúng TNHH Kasikornbank - CN thành phố Hồ Chí Minh (x)	43.090.529.816	43.090.529.816	44.448.554.417	1.358.024.601	-	-
Công ty CP Nafoods Tây Bắc (xi)	31.948.286.869	31.948.286.869	31.948.286.869	-	-	-
Vay các đối tượng khác	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
	530.242.242.114	530.242.242.114	1.429.123.596.507	1.287.095.616.837	388.214.262.444	388.214.262.444
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (vii)	3.714.000.000	3.714.000.000	5.334.000.000	4.280.000.000	2.660.000.000	2.660.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (viii)	23.439.602.801	23.439.602.801	23.463.608.518	38.524.475.907	38.500.470.190	38.500.470.190
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (vi)	21.093.334.546	21.093.334.546	21.393.071.863	20.673.070.905	20.373.333.588	20.373.333.588
	48.246.937.347	48.246.937.347	50.190.680.381	63.477.546.812	61.533.803.778	61.533.803.778
	578.489.179.461	578.489.179.461	1.479.314.276.888	1.350.573.163.649	449.748.066.222	449.748.066.222

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Vay dài hạn

	31 tháng 12 năm 2022		Trong kỳ		31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng						
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (vi)	73.826.666.877	73.826.666.877	2.819.737.782	20.673.070.905	91.680.000.000	91.680.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (vii)	13.486.000.000	13.486.000.000	2.660.000.000	4.280.000.000	15.106.000.000	15.106.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (viii)	30.616.504.651	30.616.504.651	-	39.006.472.786	69.622.977.437	69.622.977.437
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	5.170.000.000	5.170.000.000	8.122.006.000	2.952.006.000	-	-
	123.099.171.528	123.099.171.528	13.601.743.782	66.911.549.691	176.408.977.437	176.408.977.437
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (vii)	(3.714.000.000)	(3.714.000.000)	(5.334.000.000)	(4.280.000.000)	(2.660.000.000)	(2.660.000.000)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (viii)	(23.439.602.801)	(23.439.602.801)	(23.463.608.518)	(38.524.475.907)	(38.500.470.190)	(38.500.470.190)
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (vi)	(21.093.334.546)	(21.093.334.546)	(21.393.071.863)	(20.673.070.905)	(20.373.333.588)	(20.373.333.588)
	(48.246.937.347)	(48.246.937.347)	(50.190.680.381)	(63.477.546.812)	(61.533.803.778)	(61.533.803.778)
	74.852.234.181	74.852.234.181	36.588.936.599)	3.434.002.879	114.875.173.659	114.875.173.659

Chi tiết về thông tin của các khoản vay như sau:

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
(i)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	253/HM21/VBC- NAN (từ 27/7/2021 đến 20/6/2022) và 135/HM22-NAN (từ 22/06/2022 đến 19/06/2023)	100 tỷ VND	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	5 tháng	+ Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất; xe ô tô đã qua sử dụng; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group. + Máy móc, dây chuyền và thiết bị sản xuất của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An. + Tài sản gắn liền với đất và Quyền sử dụng đất của một số thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty CP Nafoods Group. + Căn hộ chung cư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 55TC21/VCB.NAN của cổ đông. + Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị sản xuất và phần giá trị gia tăng đầu tư thêm trong quá trình kinh doanh thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam.

29

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
(i)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	240/HM21-VCB (từ 20/7/2021 đến 20/7/2022) và 188/HM22-VCB từ 16/8/2022 đến 13/10/2022	100 tỷ VND	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động	115 ngày	+ Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất; xe ô tô đã qua sử dụng; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group. + Máy móc, dây chuyền và thiết bị sản xuất của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An. + Tài sản gắn liền với đất và Quyền sử dụng đất của một số thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty CP Nafoods Group. + Căn hộ chung cư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 55TC21/VCB.NAN của cổ đông. + Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị sản xuất và phần giá trị gia tăng đầu tư thêm trong quá trình kinh doanh thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam.
		244/HM22-VCB từ 26/10/2022 đến 25/10/2023	250 tỷ VND			5 tháng	

(ii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh 442-NAFOODS GROUP	01/2022- HĐCVHM/NHCT	100 tỷ VND	5,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động	5 tháng	+ Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất; xe ô tô đã qua sử dụng; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group. + Tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất, các cổ phiếu của một số thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty Cổ phần Nafoods Group. + Tài sản thế chấp của các bên liên quan và các quyền tài sản của Công ty CP Nafoods Tây Nguyên phát sinh từ hợp đồng mua bán, hợp đồng chuyển nhượng, khai thác các sản phẩm thu từ Dự án được xây dựng trên thửa đất số 01 với Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803882 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019. + Thửa đất số 02 với Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803881 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019. + Thửa đất số 03 với Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất
------	--	----------------------	------------	----------	----------------------	---------	--

30

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
(ii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh	01/2022- HЄCVHM/NHCT 442-CHANHLEO	24 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	6 tháng	Quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803883 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019. + Quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất tại các thửa đất đứng tên Công ty CP Chanh leo Nafoods. + 100 trái phiếu mã CTG1926T2/02-589 được trình bày tại Thuyết minh số 6.
(iii)	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh	44543/20MN/HĐ 20 tỷ VNĐ TD	20 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	4 tháng	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.
(iv)	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	HCM/2021/002 /NAFOODS/STL/FA	80 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Mua nguyên vật liệu /hàng hóa trong nước và tài trợ vốn lưu động ngắn hạn	5 tháng	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.
(v)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nghệ An	2021/HĐCHMTD/120 tỷ VNĐ VPB-NAFOODS	120 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	6 tháng	Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa thuộc sở hữu của bên thế chấp bao gồm các mặt hàng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa,... phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến và thương mại hàng thực phẩm (hoa quả, hạt). Khoản vay được bảo lãnh bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/2021/HĐBL/VPB-Nafoods
(vi)	Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd	MUSD 5 LOAN FACILITY	5 triệu USD	6,4% + Lãi suất LIBOR cho mỗi kỳ 6 tháng	Thực hiện phương án sản xuất kinh doanh trái cây sấy	72 tháng	+ Số dư tài khoản ngân hàng, các khoản phải thu, máy móc thiết bị, tất cả các quyền lợi ích hoàn trả và tất cả các cổ phần được phát hành và thanh toán thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp. + Bảo lãnh thực hiện bởi Công ty CP Nafoods Miền Nam.
(vii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh	01/2018- HЄCVDADT/NH CT442-CHANHLEO NAFOODS	16 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Tài trợ các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng vườn ươm giống Công nghệ cao tại Huyện Quế Phong – tỉnh Nghệ An	72 tháng	+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐBB/NHCT442 ngày 20 tháng 3 năm 2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh và Công ty CP Chanh leo Nafoods. + Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng và các tài sản hình thành trong tương lai khi xây dựng cơ bản hoàn thành thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Tây Nguyên. + Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất và xe ô tô đã qua sử dụng của một số thành viên trong Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty CP Nafoods Tây Nguyên.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
(viii)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	101/DTDA17 /NAN.KHDN	169,893 tỷ VNĐ	+ Lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ cộng (+) 2,5%/năm với khoản vay VNĐ + 4,5%/năm cộng (+) Lãi suất Libor có kỳ hạn 6 tháng với khoản vay USD + 4,5%/năm cộng (+) Giá trị lớn hơn giữa 0% và lãi suất Libor có kỳ hạn 6 tháng với khoản vay EUR	Xây dựng nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An	84 tháng	+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất thuộc sở hữu của Công ty thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Máy móc thiết bị, xe ô tô đã qua sử dụng và máy chuyên dụng thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam; + Toàn bộ vốn góp của Công ty CP Nafoods Group tại Công ty CP Nafoods Miền Nam.
(ix)	Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam- CN HCM	761/2022/HĐTD 762/2022/HĐTD	100 tỷ VNĐ 100 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng	Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc Khoản vay tín chấp của Công ty CP Nafoods Miền Nam, đảm bảo thanh toán bởi Công ty Cổ phần Nafoods Group
(x)	Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank Việt Nam - CN thành phố Hồ Chí Minh	051/22/FA.01	120 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động; Nhập khẩu nguyên liệu hàng hóa từ nước ngoài	5 tháng	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.
(xi)	Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	12022/NFG-NFTB	35 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng	Không có tài sản đảm bảo



22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Số dư, 1 tháng 1 năm 2022	3.220.600.769	10.547.592.178
Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 23)	3.874.614.942	3.061.943.717
Sử dụng Quỹ	(626.414.823)	(10.388.935.126)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2022	6.468.800.888	3.220.600.769

23. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư, 1 tháng 1 năm 2021	599.267.850.000	67.230.677.157	(620.000)	22.476.456.578	61.238.874.343	692.431.829	750.905.669.907
Góp vốn trong năm	29.963.000.000	-	-	-	-	-	29.963.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	77.492.298.832	112.897.642	77.605.196.474	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	18.371.662.303	(37.841.782.797)	(68.806.940)	(19.538.927.434)
Khác	-	-	-	(2.066.841.777)	(466.482.824)	(3.777.946)	(2.537.102.547)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2021	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	38.781.277.104	100.422.907.554	732.744.585	836.397.836.400
Số dư, 1 tháng 1 năm 2022	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	38.781.277.104	100.422.907.554	732.744.585	836.397.836.400
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	79.713.145.210	128.954.464	79.842.099.674	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	23.247.689.650	(44.337.354.592)	-	(21.089.664.942)
Khác	-	-	-	(2.916.303.730)	74.973.712	(121.107.365)	(2.962.437.383)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2022	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	59.112.663.024	135.873.671.884	740.591.684	892.187.833.749

24. Vốn góp chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần đây nhất tại ngày 13 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 629.230.850.000 đồng, được chia thành 62.923.085 cổ phần với mệnh giá 10,000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.923.085	629.230.850.000	62.923.085	629.230.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62.923.085	629.230.850.000	62.923.085	629.230.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.564.152	505.641.520.000	50.564.152	505.641.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	123.589.330.000	12.358.933	123.589.330.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.923.023	629.230.230.000	62.923.023	629.230.230.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.564.090	505.640.900.000	50.564.090	505.640.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	123.589.330.000	12.358.933	123.589.330.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.



Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Lãi kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VNĐ)	79.842.099.674	77.605.196.474
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu (VNĐ)	79.713.145.210	77.492.298.832
Trừ trích lập các quỹ (*)	-	(44.337.354.592)
Lãi thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	79.713.145.210	33.154.944.240
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	50.564.152	48.060.332
Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông (VNĐ/Cổ phiếu)	1.576	690

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính lại sau khi đã trừ các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, trích ngân sách hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát và cổ tức ưu đãi.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Số cổ phiếu phổ thông đầu kỳ	50.564.152	47.567.852
Số cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong kỳ	-	2.996.300
Số cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	50.564.152	50.564.152
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.564.152	48.060.332

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VNĐ, như sau:

	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
Gốc nguyên tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	374.738	393.012

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng bán	1.811.371.915.100	1.617.724.582.956
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.439.258.155	11.554.281.216
	1.817.811.173.255	1.629.278.864.172

27. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Giảm giá hàng bán	37.659.679.343	6.378.772.612
Hàng bán bị trả lại	13.644.218.288	8.246.769.535
	51.303.897.631	14.625.542.147



28. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hàng bán	1.382.372.537.826	1.313.940.321.698
Giá vốn dịch vụ	8.282.390.233	9.249.266.587
	1.390.654.928.059	1.323.189.588.285

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.453.712.634	7.017.653.799
Lãi từ hợp tác đầu tư	-	6.095.573.392
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.273.544.012	11.144.831.090
	28.727.256.646	24.258.058.281

30. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền vay	27.401.837.116	32.071.214.049
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.606.680.295	3.803.301.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.053.963.101	3.349.053.931
Dự phòng giảm giá đầu tư/(hoàn nhập) trong kỳ	-	466.905.406
Lỗ chênh lệch thoái vốn các công ty liên kết	-	708.700.000
Chi phí tài chính khác	1.942.460.918	1.799.982.373
	49.004.941.430	42.199.156.825

31. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	12.951.999.339	7.022.854.163
Chi phí nguyên vật liệu	4.185.151.349	705.375.690
Chi phí khấu hao	110.624.606	136.545.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.630.698.183	135.077.746.036
Chi phí khác	22.514.143.399	4.900.109.990
	190.392.616.876	147.842.631.395

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	23.210.329.978	10.969.786.365
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	464.968.415	367.473.902
Chi phí khấu hao	6.181.451.150	5.264.761.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.467.177.713	4.304.989.395
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	13.725.525.030	333.192.658
Chi phí khác	17.935.835.525	13.515.067.810
	65.985.287.811	34.755.271.843



33. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	1.514.583.429.697	591.123.636.593
Chi phí nguyên vật liệu	1.144.433.739.737	60.574.370.059
Khấu hao và phân bổ	26.962.640.146	23.894.367.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.421.087.774	191.224.181.988
Chi phí khác	476.267.553.685	30.308.268.453
	3.392.668.451.039	897.124.824.492

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") chung là 20% áp dụng kể từ năm 2016. Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con là Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, Công ty CP Đầu tư - Phát triển giá trị gia tăng Nông nghiệp và Công ty CP Nafoods Tây Nguyên có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ thông.

Công ty CP Chanh leo Nafoods, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế từ thực hiện dự án đầu tư sản xuất giống chanh leo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2014-2017) và giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo (2018-2026). Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ thông.

Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động chế biến nông sản trong suốt thời gian hoạt động.

Bảng đối chiếu giữa lãi kế toán và lãi tính thuế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	92.926.986.813	90.423.203.934
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	7.256.895.432	3.906.019.865
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện từ tiền và các khoản phải thu	(3.676.925.365)	2.655.749.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước đã thực hiện trong năm nay	(2.008.170.997)	(493.021.641)
Chi phí thuế GTGT tương ứng với doanh thu không chịu thuế hạch toán vào chi phí theo sổ đã nộp lại hoàn và theo biên bản thanh tra	-	(2.332.488.166)
Lợi nhuận được chia từ các công ty con đã nộp thuế TNDN	(60.507.548.937)	(34.334.662.894)
Cộng lại lãi/(lỗ) từ các giao dịch nội bộ đã bị loại trừ khi hợp nhất	50.086.720.777	33.493.558.098
Thu nhập chịu thuế trước khi bù trừ với lỗ	84.077.957.723	93.318.358.521
Lỗ thuế các năm trước mang sang của Công ty mẹ	-	-
Lỗ thuế các năm trước mang sang của các Công ty con	-	(206.801.527)
Thu nhập chịu thuế	84.077.957.723	93.111.556.994
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập chịu thuế của Công mẹ với thuế suất 20%	4.812.829.647	26.068.726.968
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 5%	25.139.084.629	18.377.333.466
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 10%	52.949.746.266	39.002.687.972
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 20%	1.176.297.181	9.662.808.588
Chi phí thuế thu TNDN của Công ty mẹ với thuế suất 20%	962.565.929	5.213.745.394
Chi phí thuế thu TNDN của các Công ty con với thuế suất 5%	1.256.954.231	918.866.673
Chi phí thuế thu TNDN của các Công ty con với thuế suất 10%	5.294.974.627	3.900.268.797
Chi phí thuế thu TNDN của các Công ty con với thuế suất 20%	2.103.685.806	2.046.669.312



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế TNDN được khấu trừ	-	(275.660.002)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	984.607.150	818.218.686
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.602.787.743	12.622.108.860

Việc xác định thu nhập chịu thuế, lỗ tính thuế và tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ và các công ty con có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả của việc kiểm tra và phê duyệt bởi các cơ quan thuế địa phương.

35. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn trong niên độ như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết
2	Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Đầu tư dài hạn khác
3	Công ty CP Anacardium Foods	Bên liên quan của thành viên HĐQT
4	Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương	Bên liên quan của thành viên HĐQT
5	Công ty CP Kingfoods	Bên liên quan của thành viên HĐQT
6	Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	Bên liên quan của thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc/Nguyên Chủ tịch HĐQT
8	Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT
9	Bà Phan Thị Minh Châu	Phó chủ tịch HĐQT
10	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT
11	Ông Johan De Geer	Thành viên HĐQT
12	Ông Johan Nyvene	Thành viên HĐQT
13	Ông Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT
14	Bà Diệp Thị Mỹ Hào	Nguyên Tổng Giám đốc

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
			VNĐ	VNĐ
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Bên liên quan	Chi phí gia công	41.016.640.340	24.554.125.910
		Chi phí lưu kho	374.440.000	560.556.000
		Doanh thu cho thuê máy	4.933.784.423	2.801.136.958
		Mua hàng hoá	86.756.936.600	57.717.720.600
		Lãi tiền cho vay	571.728.091	-
		Chuyển nhượng tài sản thuê	6.580.000.000	-
		Chuyển tiền cho vay	3.922.000.000	12.690.099.378
		Thu hồi khoản cọc dự án chuyển nhượng tài sản	34.254.484.829	-
		Doanh thu bán hàng hóa	222.788.800	1.116.459.298
		Doanh thu khác	22.302.990	120.117.274
		Chi phí thuê chuyên gia	-	768.625.000
		Mua tài sản	1.350.000.000	9.305.454.547
		Mua công cụ dụng cụ	14.370.000	2.525.400.526
		Lãi dự thu	192.707.013	-
Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Đặt cọc dự án nhà máy dừa	-	60.000.000.000
		Mua nguyên vật liệu	183.592.000	242.017.980
		Doanh thu bán hàng hóa	-	12.241.193.697

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
			VNĐ	VNĐ
Công ty CP Anacardium Foods	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Lãi từ cho vay	7.716.246	6.603.183
		Gửi tiền hợp tác đầu tư	-	60.000.000.000
		Thu hồi khoản hợp tác đầu tư	60.000.000.000	-
		Trả hộ	-	290.850.000
		Thoái vốn	-	12.000.000.000
		Mua hàng hóa	44.067.562.948	-
		Chi phí sản xuất nhân điều	1.194.600.000	-
		Trả tiền vay	86.836.404	-
		Trả tiền lãi vay	51.379.769	-
		Chi phí gia công	4.374.896.700	-
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng hóa	2.202.820.000	13.676.580
		Mua nguyên vật liệu	19.476.297.635	12.569.557.500
		Mua hàng hóa	2.817.060.000	3.243.247.000
		Chi phí gia công	351.189.500	548.076.711
Công ty CP Kingfoods	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	54.306.065.550	-
		Doanh thu bán hàng hóa	1.469.056.000	-
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	307.004.222	-
		Doanh thu bán hàng hóa	18.247.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Tạm ứng mua cổ phần/tài sản Naprod	98.320.840.000	-
		Tạm ứng mua cổ phần của Công ty CP Nafoods Tây Bắc	16.000.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các Thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 10, 17, 21.

36. Báo cáo bộ phận

36.1 Theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại, hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là kinh doanh thương mại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày.

36.2 Theo lĩnh vực địa lý

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Miền Bắc, Miền Nam VNĐ	Miền Bắc, Miền Trung VNĐ	Xuất khẩu VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.353.103.204	153.879.016.386	1.441.275.156.034	1.766.507.275.624
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.069.898.489	73.138.184.288	1.166.446.845.282	1.390.654.928.059
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.283.204.715	80.740.832.098	274.828.310.752	375.852.347.565

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Miền Bắc, Miền Nam VNĐ	Miền Bắc, Miền Trung VNĐ	Xuất khẩu VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	423.088.959.076	52.704.136.177	1.138.860.226.772	1.614.653.322.025
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.644.603.660	43.079.857.158	910.465.127.467	1.323.189.588.285
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.444.355.416	9.624.279.019	228.395.099.305	291.463.733.740



37. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tên	Chức vụ	Tổng thu nhập của Ban		
		Thù lao của HĐQT	Tổng Giám đốc	Tổng cộng
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc/Nguyên Chủ tịch HĐQT	1.200.000.000	1.432.222.222	2.632.222.222
Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	1.175.000.000	-	1.175.000.000
Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch thường trực	160.000.000	-	160.000.000
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT	480.000.000	-	480.000.000
Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	240.000.000	-	240.000.000
Johan De Geer	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	120.000.000	-	120.000.000
Đặng Thị Thắm	Thư ký HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
Diệp Thị Mỹ Hào	Nguyên Tổng Giám đốc	-	354.721.836	354.721.836
Tổng cộng		3.495.000.000	1.786.944.058	5.281.944.058

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên	Chức vụ	Tổng thu nhập của Ban		
		Thù lao của HĐQT	Tổng Giám đốc	Tổng cộng
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	1.220.000.000	666.303.181	1.886.303.181
Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch thường trực	500.000.000	-	500.000.000
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT	500.000.000	-	500.000.000
Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	260.000.000	-	260.000.000
Johan De Geer	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	120.000.000	-	120.000.000
Điền Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT	20.000.000	-	20.000.000
Ryan Walter Galloway	Thành viên HĐQT	40.000.000	-	40.000.000
Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT	40.000.000	-	40.000.000
Dung T. Trung	Thành viên HĐQT	920.000.000	-	920.000.000
Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	-	-	-
Đặng Thị Thắm	Thư ký HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	12.000.000	-	12.000.000
Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	8.000.000	-	8.000.000
Hồ Quốc Công	Thành viên Ban Kiểm soát	8.000.000	-	8.000.000
Hồ Minh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-
Diệp Thị Mỹ Hào	Tổng Giám đốc	-	1.541.187.421	1.541.187.421
Tổng cộng		3.768.000.000	2.207.490.602	5.975.490.602

38. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, có những giao dịch không bằng tiền chủ yếu như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	6.388.525.465	442.414.569
Cần trừ khoản cho vay và các khoản phải trả	-	1.564.986.925

39. Cam kết

Các khoản thanh toán theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một (1) năm	2.591.009.120	791.009.120
Trong vòng hai (2) đến năm (5) năm	6.764.036.479	3.164.036.479
Từ năm (5) năm trở lên	8.530.781.809	9.247.557.096
Tổng cộng	17.885.827.408	13.202.602.695

40. Số liệu so sánh

Một vài số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trình bày cho mục đích so sánh, đã được Ban Tổng Giám đốc phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Theo báo cáo trước đây	Phân loại lại	Số phân loại lại
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Dài hạn	199.753.633.000	(196.753.633.000)	3.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	165.000.000	196.753.633.000	196.918.633.000

41. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

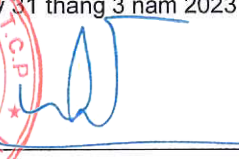
Theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 2 năm 2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc mua lại toàn bộ tài sản của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An, bao gồm tài sản vô hình và hữu hình, tiếp nhận toàn bộ đội ngũ quản lý vận hành, công nhân, quy trình sản xuất và kiến thức của Doanh nghiệp với giá mua đề xuất là 309 tỷ đồng. Tại ngày của Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo để hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tập đoàn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

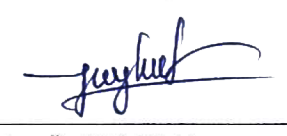
42. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023


Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc


Phan Minh Đức
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập

**Nafoods
Group
JSC.**

(E) info@nafoods.com

(T) +84 2383 532 632

(W) www.nafoods.com

(A) 47 Nguyen Canh Hoan Street,

Vinh City, Nghe An Province,

Viet Nam

